

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8824	145 Nguyễn Thị Thà		01/01/35	270243556	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8825	146 Nguyễn Thị Thân		01/01/36	270243086	Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8826	147 Nguyễn Thị Thanh		01/01/35	270244844	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8827	148 Nguyễn Thị Thâu		01/01/35	270231143	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8828	149 Nguyễn Thị Thoan		01/01/28		A6/K92, Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8829	150 Nguyễn Thị Thu Ba		01/01/36	272222923	ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8830	151 Nguyễn Thị Thu Nhân		01/01/37	270247130	ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8831	152 Nguyễn Thị Tiêm		01/01/28	025610206	Tổ 3, ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8832	153 Nguyễn Thị Trù		01/01/28	272258992	34, tổ 2, Ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8833	154 Nguyễn Thị Tư		01/01/23	270243183	Tổ 3, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8834	155 Nguyễn Thị Vem		01/01/30		tổ 16, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8835	156 Nguyễn Thị Việt		01/01/40	272165277	kp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8836	157 Nguyễn Thị vô		01/01/30	270244660	561, khu 5, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8837	158 Nguyễn Thị Xem		10/02/34	272677880	ấp long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8838	159 Nguyễn Thị Xuyên		01/01/30	270234346	tổ 1, Ấp Thiên Bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8839	160 Nguyễn Toàn	01/01/27		270753601	ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8840	161 Nguyễn Văn Bù	01/01/40		270244735	kp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8841	162 Nguyễn Văn Cẩm	08/10/39		270738933	277B tổ 15 ấp long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8842	Nguyễn Văn Chiến	01/01/33		270243191	tổ 3, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8843	Nguyễn Văn Điều	10/17/37		270234457	ấp Thiên bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8844	Nguyễn Văn Điệp	01/01/25		270249105	tổ 5, Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8845	Nguyễn Văn Đức	01/01/35			Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8846	Nguyễn Văn Hạnh	01/01/28		270243599	470/ tổ 16, khu 4, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8847	Nguyễn Văn Hiến	01/01/33		270234549	tổ 6, ấp Thiên Bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8848	Nguyễn Văn Hưng	01/01/30		270244617	Tổ 5, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8849	Nguyễn Văn Hữu	01/01/25		141611953	34, tổ 2Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8850	Nguyễn Văn Lân	01/01/37			ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8851	Nguyễn Văn Nghiêm	01/01/33		270243578	275 tổ 14, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8852	Nguyễn Văn Phương		01/01/37		ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8853	Nguyễn Văn Ri	01/01/38		272115288	ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8854	Nguyễn Văn Sanh	01/01/40		270243482	kp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8855	Nguyễn Văn Tám	01/01/39		270243494	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8856	Nguyễn Văn Thâm	01/01/32		270347059	tổ 12, Ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8857	Nguyễn Văn Thắng	01/01/28			177, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8858	Nguyễn Văn Thường	01/01/32		270112049	tổ 3, Ấp Long Khánh 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8859	Nguyễn Văn Tiêu	12/10/37			ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19		
8860	181	Nguyễn Văn Tuội	01/01/31		270243059	302, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8861	182	Nguyễn Văn Văn	01/01/39		270243053	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8862	183	Nguyễn Xuân Thái	06/28/28		184046449	398, tổ 18 ấp Thiên Bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8863	184	Nguyễn Yên	05/02/37		272165187	ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8864	185	Phạm Thị Bé	01/01/30		270244563	tổ 3, Ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8865	186	Phạm Thị Châu	01/01/28		180645964	152 tổ 5, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8866	187	Phạm Thị Cuốn	01/01/40		270243137	kp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8867	188	Phạm Thị Dung	01/01/40		272300091	kp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8868	189	Phạm Thị Kém	01/01/28			Đường F, khu 92, Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8869	190	Phạm Thị Linh	01/01/34		270244664	Ấp Long Khánh 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8870	191	Phạm Thị Lua	01/01/39		160576359	ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8871	192	Phạm Thị Mười	01/01/37		271128277	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8872	193	Phạm Thị Mỹ	01/01/38			ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8873	194	Phạm Thị Năm	01/01/37		074137000003	tổ 5, ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8874	195	Phạm Thị Năng	01/01/40			kp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8875	196	Phạm Thị Ngọc Chinh	01/01/20			683, tổ 11, ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8876	197	Phạm Thị Nhi	02/06/37		272584692	khu 92 ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8877	198	Phạm Thị Vó	01/01/40		270873196	kp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8878	Phạm Văn Khiết	08/16/30		272979034	ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8879	Phạm Văn Mẹo	01/01/19		276039906	tổ 8, ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8880	Phan Đức Trác	01/01/29		272378961	Tổ 1, Ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8881	Phan Thị Bắp		01/01/33	340023331	685 tổ 11 Ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8882	Phan Thị Hai		01/01/30	270244897	tổ 12, ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8883	Phan Thị Hoạch		01/01/40	270244930	kp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8884	Phan Thị Nhị		01/01/24	272508071	F7K97, Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8885	Phan Thị Sen		01/01/31		A3/K92, Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8886	Phan Văn Hưng	01/01/34		271128160	tổ 4 Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8887	Trần Đức Thắng	01/01/34		270249120	Ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8888	Trần Dương Thức	01/01/32		272398850	tổ 9, Ấp Long Khánh 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8889	Trần Ngọc Thông	01/15/33		270905850	tổ 5, Ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8890	Trần Thị Bảo		01/01/26	180524076	A19/K92, Ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8891	Trần Thị Bông		01/01/34	270247167	Ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8892	Trần Thị Cánh		01/01/21	270244646	481 tổ 17 Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8893	Trần Thị Chanh		01/01/36	270242973	ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8894	Trần Thị Đặc		01/01/28	270244799	tổ 14, ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8895	Trần Thị Em		01/01/34	270243419	Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8896	Trần Thị Hai		01/01/34			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8897	Trần Thị Hầu		01/01/35	270243141	ấp long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8898	Trần Thị Lại		01/01/26	270753730	tổ 4, Ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8899	Trần Thị Lộc		01/01/38	272726282	ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8900	Trần Thị Ngân		01/01/37	270244384	ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8901	Trần Thị Nghĩa		01/01/23	270244667	155 tổ 3, Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8902	Trần Thị Ri		01/01/30	270244951	tổ 11, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8903	Trần Thị Vàng		01/01/40	270249050	kp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8904	Trần Xuân Hạnh	06/10/34			K94 ấp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8905	Trịnh Thị Kén		01/01/40	272202591	kp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8906	Trương Thị Khoa		08/05/34	110371863	tổ 14, Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8907	Trương Thị Nội		01/01/29	272115092092	168 tổ 10, Ấp Long Đức 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8908	Trương Văn Mi		01/01/35	270247169	ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8909	Trương Văn Thọ	03/26/39		270242931	ấp Long Đức 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8910	Vĩ Văn Quân	05/27/39		272195948	218 ấp Long Khánh 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8911	Võ Thị Dung		01/01/33	270124309	tổ 6, ấp Long Khánh 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8912	Võ Thị Hai		01/01/28	270243179	tổ 13, Ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8913	Võ Thị Liền		01/01/38	270244624	ấp Long Khánh 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8914	Võ Thị Nền		01/01/39	27024326	ấp Long Khánh 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8915	Vũ Thị Liễu		01/01/37	270234721	ấp Thiên Bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8916	Vũ Thị Lượng		01/01/34		ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8917	Vũ Thị Lý		06/10/28		tổ 5 ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8918	Vương Văn Nghĩa	01/01/28		270436108	tổ 5, ấp Long Đức 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
8919	Nguyễn Thị Thanh Thùy		01/27/79	271326986	ấp Long Đức 1	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300.000	1.500.000	
8920	Bạch Xuân Hùng	09/02/71		271646449	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8921	Bùi Hoàng Nam	01/01/03			290 tổ 5 ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8922	Bùi Trần Thái	06/16/79		271350022	Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8923	Đặng Thị Hồng Hạnh		23/4/1989	271950100	kp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8924	Đinh Sỹ Thuận	01/01/93			khu tái định cư, ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8925	Đinh Văn Liên	12/27/60		272086211	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8926	Đỗ Thị Thanh Loan		10/18/77		ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8927	Hà Hữu Quân	04/01/73		060799352	tổ 7 ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8928	Hà Thị Sơn		11/20/84		kp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8929	Hồ Thị Ái Linh		09/09/81	272370556	ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8930	Hồ Văn Khỏe	01/01/72		270244425	tổ 3, Ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8931	Hoàng Thị Thu		04/10/95	272726950	ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8932	Khuong Văn Hạnh	10/10/74		271514155	C34/2 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8933	Lâm Hùng Dũng	03/23/85			ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8934	Lê Duy Phương	03/24/99			ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8935	Lê Hoài Anh Thắng	08/23/99		272797081	ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHYT	Hỗ trợ Covid-19	
8936	257	Lê Hoàng Dũng	09/20/78		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8937	258	Lê Minh Đức	12/08/89		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8938	259	Lê Thành Chon	04/08/93		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8939	260	Lê Thị Cẩm Ly		09/25/01	ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8940	261	Lương Hoàng Thanh	10/13/94		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8941	262	Lương Văn Hồng	01/01/72		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8942	263	Mai Thị Mỹ Hiền		01/01/03	C48-K92 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8943	264	Mai Xuân Đức	01/01/97		C48-K92 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8944	265	Ngô Đình Dũng	09/10/73		ấp Long Đức 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8945	266	Ngô Đức Cường	09/10/70		kp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8946	267	Ngô Hồng Minh	01/01/02		C 15/K80 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8947	268	Ngô Nhật Lệ		06/15/96	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8948	269	Nguyễn Công Sơn	10/02/92		ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8949	270	Nguyễn Đức Duy	01/01/80		tổ 7, ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8950	271	Nguyễn Hoàng Phúc	01/26/01		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8951	272	Nguyễn Minh Sang	01/01/60		155 tổ 3 ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8952	273	Nguyễn Ngọc Thùy		01/01/75	tổ 9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8953	274	Nguyễn Thanh Sơn	09/21/83		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8954	275	Nguyễn Thanh Toán	08/01/65		ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8955	276	Nguyễn Thị Diễm		08/05/93	ấp long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8956	277	Nguyễn Thị Hồng		01/01/64	kp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8957	278	Nguyễn Thị Hương		11/29/96	ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8958	279	Nguyễn Thị Ngò		09/07/59	ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8959	280	Nguyễn Thị Nhâm		01/01/60	Áp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8960	281	Nguyễn Thị Thanh Thủy		01/27/79	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8961	282	Nguyễn Vũ Tuấn Anh	01/01/03		đường A tổ 3, Long Đức 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8962	283	Nguyễn Vũ Tường Anh	01/01/03		đường A tổ 3, Long Đức 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8963	284	Phạm Quốc Dũng	12/22/99		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8964	285	Phạm Thị Tuyết Nhung		01/06/72	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8965	286	Phạm Văn Hiếu	07/10/69		ấp Long Khánh 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8966	287	Phạm Xuân Khanh	12/05/81		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8967	288	Tăng Thiện Toàn	01/01/00		52/G1/ đường 27/8 K92 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8968	289	Trần Bùi Thuận	01/01/82		495 tổ 17, Ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8969	290	Trần Minh Hậu	11/21/93		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8970	291	Trần Minh Khới	01/31/90		ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8971	292	Trần Thị Bích Liễu		07/21/79	ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8972	293	Trần Thị Mỹ Liên		04/28/92	ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8973	294	Trần Trọng Hưng	03/30/94		khu 2001 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8974	295	Trần Văn Cu	01/01/68		kp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8975	296	Vũ Huy Hùng	01/01/71		ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8976	297	Vũ Tuyết Mai		01/01/89	165 ấp Long Khánh 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8977	298	Vũ Văn Ngân	08/19/84	001084019340	tổ 11B ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
8978	299	Đặng Ngọc Quới	03/28/57	270244388	ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8979	300	Đào Thị Kim Xuân	01/01/41	270753633	279, tổ 3, ấp Long khánh 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8980	301	Đinh Quang Thực	01/01/25		ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8981	302	Dương Thị Kim Liên	01/01/49	350500439	tổ 2 ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8982	303	Nguyễn Thị Tinh	04/04/58	272209573	ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8983	304	Phạm Thị Minh Nguyệt	05/24/55	270562874	ấp Long khánh 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
8984	305	Bùi Trần Phương Anh	11/17/11		tổ 4 ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8985	306	Châu Ngọc Quỳnh Như	08/25/11		ấp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8986	307	Đặng Thành Như	06/20/16		C13 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8987	308	Đinh Trọng Hiếu	01/03/04		Tổ 7 ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8988	309	Lâm Tâm Kim Thư	04/26/13		tổ 16 kp Long Khánh 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8989	310	Lâu Công Thiên Phúc	09/25/11		tổ 10 ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8990	311	Lý Phương Thảo	01/11/07		Ấp Thiên Bình	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8991	312	Ngô Nguyễn Anh Khoa	08/25/08		431 ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8992	313	Nguyễn Tuấn Anh	10/05/03		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8993	314	Nguyễn Viết Giáp	31/3/2005		kp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8994	315	Phạm Hoàng Nhi	09/19/12		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
8995	316	Phạm Nguyễn Hoàng Anh Thư		04/05/06		NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8996	317	Phạm Nguyễn Hoàng Hong Ân	12/26/11		ấp Long Khánh 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8997	318	Phan Hoàng Trà My		01/18/12	tổ 3 ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8998	319	Trần Bảo Gia	04/13/15		ấp Long Đức 3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
8999	320	Trần Hữu Phúc	07/23/15		113/12B ấp Long Đức 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9000	321	Trần Thị Thu Hạnh		01/01/06	113/12B ấp Long Đức	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9001	322	Ứng Chấn Quang Minh	02/19/11		ấp Long Đức 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9002	323	Bùi Ngọc Tân	11/12/85		ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9003	324	Bùi Việt Hùng	01/24/81		ấp Thiên Bình	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9004	325	Đặng Nguyễn Hoàng Minh	12/28/79		157 tổ 10 ấp Long Đức 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9005	326	Đặng Thị Thanh Thảo		01/01/84	tổ 15 ấp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9006	327	Đậu Thiện Tính	05/19/71		21K2000 ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9007	328	Đinh Hiếu Trung	01/01/80		305/34 , Ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9008	329	Dương Hiến Cường	01/27/85		tổ 28B ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9009	330	Hứa Quốc Mạnh	11/17/71		ấp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9010	331	Huỳnh Ngọc Hiền	01/01/71		ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9011	332	Huỳnh Ngọc Trụ	06/16/85		ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9012	333	Lâm Hoài Lan	02/25/92		ấp Long khánh 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9013	334	Lâm Hùng Châu	04/27/81		ấp Long khánh 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9014	Lâm Minh Quang	08/20/62		270244273	Ấp Long Khánh 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9015	Lâm Văn Tấn	09/11/74			Kp Long Khánh 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9016	Mã Minh Trí	01/01/03			tổ 9, Ấp Long Khánh 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9017	Mai Văn Năm	01/01/67		272642317	219 tổ 5, ấp Thiên Bình	NKT năng	450.000	1.500.000	
9018	Ngô Đình Hưng	01/01/86		272529863	03 tổ 3, Ấp Long Đức 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9019	Ngũy Thị Gọn		01/01/63	272202619	Ấp Long Đức 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9020	Nguyễn Hùng	06/27/66			ấp Long Đức 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9021	Nguyễn Khánh Thiện	01/01/74			ấp Long Khánh 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9022	Nguyễn Mạnh Hùng	10/29/59		270640158	ấp Long Khánh 3	NKT năng	450.000	1.500.000	
9023	Nguyễn Minh Tâm	01/01/83		271589909	80 tổ 3, Ấp Long Khánh 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9024	Nguyễn Phước Chí	01/01/78		271445769	312, khu 3, ấp Long Khánh 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9025	Nguyễn Tấn Thành	12/12/97		272557769	ấp Long Khánh 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9026	Nguyễn Thái Minh	12/16/59			ấp Long Đức 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9027	Nguyễn Thanh Hải	01/01/71		272508685	69, tổ 11 Ấp Long Đức	NKT năng	450.000	1.500.000	
9028	Nguyễn Thanh Nhân	02/12/91		272202220	ấp Long Khánh 1	NKT năng	450.000	1.500.000	
9029	Nguyễn Thành Thật	01/01/77			238 tổ 5, Ấp Long Đức	NKT năng	450.000	1.500.000	
9030	Nguyễn Thành Văn	01/01/64		270249215	ấp Long Đức 2	NKT năng	450.000	1.500.000	
9031	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		03/02/68	272782728	279, Ấp Long Đức 2	NKT năng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9032	Nguyễn Thị Đoan Trang		01/01/66	270753563	ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9033	Nguyễn Thị Kim Huệ		09/11/66	272338598	ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9034	Nguyễn Thị Thủy		10/10/95		K82 ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9035	Nguyễn Trọng Trí	21/7/1981			542 kp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9036	Nguyễn Trung Thành	01/01/92		272300129	69 tổ 11 Ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9037	Nguyễn Văn Chuẩn	01/01/63		270234583	ấp Thiên Bình	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9038	Nguyễn Văn Hùng	04/20/88			ấp long đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9039	Nguyễn Văn Lùng	01/01/73		272501986	Tổ 5, Long Khánh 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9040	Nguyễn Văn Trọng	07/16/76		271558624	Ấp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9041	Phạm Văn Hào	10/15/93			tổ 13 ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9042	Phạm Văn Thư	12/25/59		270248250	ấp Long Đức 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9043	Phan Hoài Thanh	09/15/90		272189617	ấp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9044	Phan Thị Dung		01/09/63		tổ 16 ấp Long Khánh 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9045	Trần Đình Hựu	11/10/62			tổ 2 ấp Long Đức 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9046	Trần Ngọc Huy	01/01/02			tổ 4, Ấp Long Đức 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9047	Trần Phú Lợi	04/13/78		271326934	Ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9048	Trần Thị Nhung		01/01/76		tổ 2 ấp Long Đức 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9049	Trần Việt Vương	01/01/90		272480919	tổ 6, Ấp Long Khánh 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9050	Vũ Văn Thế	01/01/67			47/71, tổ 3, Ấp Long Đức 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9051	Đặng Văn Bích	01/01/58		270238635	ấp Long Khánh 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9052	Giáp Thị Huệ		04/01/56	272648501	ấp Thiên Bình	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9053	Huỳnh Văn Nữa	01/01/51			ấp Long Đức 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9054	Lương Văn Thâu	01/01/41		270247111	ấp Long Khánh 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9055	Nguyễn Thị Diệu		12/24/35	216750092	Tổ 10 ấp Long Đức 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9056	Nguyễn Văn Đức	01/01/52		272329275	252, tổ 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9057	Nguyễn Văn Dũng	01/01/49			ấp Long Khánh 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9058	Nguyễn Văn Lịch	01/01/59		270243203	tổ 14 long Khánh 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9059	Nguyễn Văn Lộc	04/14/53		272536784	ấp long Khánh 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9060	Nguyễn Văn Tam	01/01/56		271034725	ấp Long Khánh 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9061	Phạm Thị Xuân		05/04/50		tổ 8 ấp Thiên Bình	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9062	Trần Văn Chiến	12/13/57		270242829	ấp Long Đức 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9063	Trần Xuân Yên	09/08/47		272309777	Long Khánh 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
9064	Bạch Lê Mai Phương		10/31/06		117H tổ 4, ấp Long Đức 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9065	Đoàn Anh Kiệt	12/27/05			ấp Long Khánh 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9066	Hồ Gia Phúc	04/26/08			2/12 kp Thiên Bình	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9067	Huỳnh Quốc Sang	11/20/04			Tổ 1, ấp Long Khánh 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9068	Lê Minh Nhân	01/11/13			tổ 4 kp Long Khánh 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9069	Nguyễn Hoàng Minh	11/22/07			Ấp Long Đức 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9070	Nguyễn Phương Linh		01/01/07		642 tổ 10 ấp Long Đức 3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9071	392	Nguyễn Thị Minh Thư		08/14/05		NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9072	393	Nguyễn Thị Thanh Hòa		10/20/04		NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9073	394	Nguyễn Trần Khánh	08/22/07			NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9074	395	Phan Nguyễn Quỳnh Anh		09/28/08	98B2 tổ 3 ấp Long Khánh 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9075	396	Võ Anh Vũ	02/16/06			NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9076	397	Võ Thế Mạnh	09/03/07		khu Bắc 97 ấp Long Đức 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
9077	398	Bùi Thị Thanh Anh		01/01/02	454 tổ 15, Ấp Long Khánh 2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9078	399	Bùi Thị Thanh Loan		01/01/01	454 tổ 15, Ấp Long Khánh 2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9079	400	Bùi Thị Ngọc Phụng		08/21/03	454 tổ 15, Ấp Long Khánh 2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9080	401	Nguyễn Phúc Bảo Ngọc		01/08/09	tổ 3 ấp Thiên Bình	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9081	402	Nguyễn Quang Đại	07/27/03		khu 97 ấp Long Đức 1	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9082	403	Trần Thái Bình	03/05/06		ấp Long Khánh 1	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
9083	404	Trần Thị Tuyết Nhi		11/22/04	tổ 11 ấp Long Khánh 2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
					XVIII. PHƯỜNG TÂN BIÊN				

Stt		Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9084	1	Nguyễn Thị Ngà		01/01/44		76D/4 kp7	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
9085	2	Nguyễn Thị Niên		09/19/47		59/4 kp7	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
9086	3	Bùi Đức Tăng	01/01/28		270389774	21/1 KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9087	4	Bùi Thị Hải		01/01/30	270530641	155/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9088	5	Bùi Thị Kim Thu		01/01/38	270600680	95/64 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9089	6	Bùi Thị Lệ		01/10/37		4/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9090	7	Bùi Thị Liên		01/01/40	270978163	lô 1 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9091	8	Bùi Thị Mẫn		01/01/35	270401036	95/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9092	9	Bùi Thị Nối		01/01/35	270401756	75/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9093	10	Bùi Thị Nương		01/01/35	272536940	76/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9094	11	Bùi Thị Ny		03/13/36		108/4, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9095	12	Bùi Thị Oanh		01/01/30	270400953	100/8 KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9096	13	Bùi Thị Quy		08/10/34	270492472	231c/5 lô 12, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9097	14	Bùi Thị Rinh		01/01/36	270329061	30C/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9098	15	Bùi Thị Ruyễn		01/01/37	270400742	63/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9099	16	Bùi Thị Thạch		01/01/26	272389725	39/5, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9100	17	Bùi Thị Thơm		01/01/33	270420260	124/7 Kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9101	18	Bùi Thị Tinh		01/01/24		252/5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9102	19	Bùi Thị To		02/15/37	272806373	123/71 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9103	20	Bùi Thị Ven		01/01/40		14/4A kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9104	21	Bùi Thị Xuân		01/01/36	272019663	201/3, KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9105	22	Bùi Văn Bon	01/01/37		270388760	24/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9106	23	Bùi Văn Khoan	01/01/35		210400629	41/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9107	24	Bùi Văn Kiên	01/01/34		270389712	42/1, kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9108	25	Bùi Văn Ky	01/01/33			124/4 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9109	26	Bùi Văn Lương	08/19/37		270640173	153B/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9110	27	Bùi Văn Vinh	02/13/38		270915883	6B/77 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9111	28	Cao Thị Gi		05/20/35		93/6 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9112	29	Chu Thế Vũ	01/01/35		272499951	280/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9113	Chu Thị Cán		07/07/35	270391518	119A/2, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9114	Chu Thị Khẩu		01/01/28	270094615	78B/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9115	Chu Thị Luân		12/05/35	270387288	67/1, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9116	Chu Thị Lũng		01/01/37	270392571	36/53/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9117	Chu Thị Nhĩ		01/01/35	270735213	313/7 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9118	Chu Thị Phiến		04/30/36	270407231	149/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9119	Chu Thị Thu		12/18/37	270407307	72/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9120	Chu Thị Trừ		08/20/33	270391170	164/2 Kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9121	Đặng Thị Mỹ	04/30/34		270388696	144/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9122	Đặng Thị Ninh		05/11/37	270387351	92/37, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9123	Đặng Thị Sinh		07/14/34	270914686	Tổ 5, KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9124	Đặng Tiến Liên	08/14/38		276040020	234/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9125	Đặng Văn Cừ	01/01/23		272040939	268/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9126	Đào Công Sơn	08/02/39		270391312	167/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9127	Đào Đình Lưu	08/20/37		270401424	49/7 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9128	Đào Thị Chiêu		01/01/37	270401097	28/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9129	Đào Thị Gương		03/12/38	272884760	473/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9130	Đào Thị Lý		01/01/32	270392383	142/2 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9131	Đào Thị Phi		01/01/32	270392130	234/3 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9132	Đào Thị Sản		08/10/34	270388779	126/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9133	Đào Thị Suy		01/01/37		122/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9134	Đào Thị Thắng		01/01/40		11/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9135	Đào Thị Thành		01/01/37		47/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9136	Đào Thị Uyên		01/01/39	270388158	15/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9137	Đào Văn Bút	04/06/36			27B/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9138	Đào Văn Chính	01/01/34		270400126	127/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9139	Đinh Thị Ngọc Bích		10/05/37	270400971	57/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9140	Đinh Thị Nhện		01/01/40	272489881	450/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9141	Đinh Thị Niệm		01/01/36	270401198	61/21, Đ 573, QL1A, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9142	Đinh Viết Phương	01/01/37			38/3 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9143	Đỗ Bá Hách	01/01/24		270411369	52/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9144	Đỗ Đình Thát	01/01/13		271989358	tổ 11 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
9145	Đỗ Như Sẻ	07/01/37		270914379	45/5, tổ 8, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9146	Đỗ Thị Cơn		01/01/37	145658689	183/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9147	Đỗ Thị Hy		01/01/38	270393014	10/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9148	Đỗ Thị Lịch		02/02/36		175/4, Tổ 16, KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9149	Đỗ Thị Lưu		07/21/39	270388467	155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9150	Đỗ Thị Thịnh		10/20/37	272330179	153/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9151	Đỗ Văn Dưỡng	01/01/31			85/3 KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9152	Đỗ Xuân Tình	03/26/40			108 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9153	Đoàn Văn Cừ	01/01/37			79/4 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9154	Đoàn Văn Xứ	01/01/36		270643455	24B/75, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9155	Đồng Thị Sáu		05/06/39	270387429	68A/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9156	Dương Đình Thán	03/16/35		270391456	74A/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9157	Dương Thị Mến		01/01/33	270400304	7/3 Kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9158	Dương Thị Nụ		01/01/25	270148022	179/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9159	Dương Văn Thùy	02/24/40			58A/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9160	Giang Thị Thúc		01/01/37	270400192	84/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9161	Hà Duy Tà	01/01/36		280234540	61A/63, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9162	Hà Thị Lan		01/01/34	270412414	30/1A kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9163	Hà Thị Truyên		01/01/34	270391020	tổ 8, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9164	Hồ Dũng	03/03/35		272600791	543/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9165	Hồ Thị Hoa		01/01/31	161006644	180/3, KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9166	Hoàng Thị Bí		01/01/34	272358901	555c/2, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9167	Hoàng Thị Chiếu		01/01/30	270079107	89/5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9168	Hoàng Thị Hoa		01/01/36	270186621	155/5, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9169	Hoàng Thị Hòa		01/01/40	272584000	40A/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9170	Hoàng Văn Tâm	10/20/34			126/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9171	Hoàng Xuân Cương	01/01/22			109/5, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chiết T4/2020
9172	Kiều Thị Huệ		05/19/39	272623159	99/7 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9173	Kim Thị Lan		01/01/30		38/4 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9174	Lã Thị Phúc		01/01/27		tổ 7, kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9175	Lã Thị Thông		01/01/40	270012776	235/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9176	Lê Hùng Quảng	04/12/39		270391844	124/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9177	Lê Thị Chi		01/01/31	161126388	119/3 KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9178	Lê Thị Mai		01/01/40	270401490	88/7 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9179	Lê Thị Nụ		01/01/39	160758574	173A/6B kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9180	Lê Thị Phúc		01/01/28		61B/7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9181	Lê Thị Sáng		01/01/37	270387018	31/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9182	Lê Thị Thuận		01/01/37		kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9183	Lê Văn Đệ	01/01/37		270407379	42/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9184	Lê Văn Tú	05/05/34		270388257	25/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9185	Lê Văn Vang	01/01/33		270129940	304/3 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9186	Lưu Thị Cây	10/26/34			63/7 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9187	Lưu Thị Lan		01/01/37		91B/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9188	Mai Thị In		01/01/37	270400916	14/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9189	Mai Thị Liễu		01/01/37	270388670	199/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9190	Mai Thị Quát		01/01/32		51/4 Kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9191	Mai Thị Soạn		01/01/38		49/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9192	Mai Thị Thảo		04/12/36	150218922	561E/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9193	Mai Thị Thơm		01/01/40	272238344	123/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9194	Mai Thị Thôn		01/01/25	270400719	52/4 Kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9195	Ngô Thị Bằng		01/01/40	272927980	364/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9196	Ngô Thị Ly		01/01/34	272037672	766/80, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9197	Ngô Thị Như		01/01/32		325/2 Kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9198	Ngô Thị Thán		01/01/39	272895215	389/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9199	Ngô Thị Thiêm		01/01/36		KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9200	Ngô Thị Toàn		01/01/38	270393143	19/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9201	Nguyễn Đăng Dung	01/01/36		270379944	68/5, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9202	Nguyễn Đăng Quý	01/01/33		272557920	158/4 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9203	Nguyễn Duy Khiêm	01/01/38		271224760	145A/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9204	Nguyễn Hữu Bồi	02/07/33		180187392	kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9205	Nguyễn Hữu Huy	01/01/37		270387093	273/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9206	Nguyễn Mộc	01/01/22		270039973	84/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9207	Nguyễn Ngươn	01/01/31		270388639	137/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9208	Nguyễn Ngọc Hồ	01/01/38		272271558	450/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9209	Nguyễn Ngọc Sùng	01/01/34		270391083	187/2, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
9210	Nguyễn Quang Huy	10/01/39		270388215	29/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9211	Nguyễn Quốc Khánh	05/05/36		270387017	31/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9212	Nguyễn Thị Bầm		01/01/30	270581011	433/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9213	Nguyễn Thị Bành		01/01/28		93/8 KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9214	Nguyễn Thị Bé		01/01/36	270088865	233, Kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9215	Nguyễn Thị Chac		10/15/39	270388857	147/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9216	Nguyễn Thị Chè		01/01/37	270388595	139/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9217	Nguyễn Thị Chính		01/01/40	160985684	tổ 1 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9218	Nguyễn Thị Chung		12/10/39	272579943	543/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9219	Nguyễn Thị Chuyền		01/01/25	270452577	67/7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9220	Nguyễn Thị Dam		10/30/37	270388211	18/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9221	Nguyễn Thị Đàm		01/01/29	270607478	tổ 2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9222	Nguyễn Thị Dang		01/01/40	272647545	kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9223	Nguyễn Thị Đào		02/11/39	140833093	275/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9224	Nguyễn Thị Đào		11/11/37	270400989	351/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9225	Nguyễn Thị Đạp		01/01/35		49A/6 kp6B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Mất T4
9226	Nguyễn Thị Diễm		01/01/26		tổ 6, kp8a	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9227	Nguyễn Thị Diệu		01/01/33	270392777	84/4 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9228	Nguyễn Thị Ga		01/01/40	271362496	49/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9229	Nguyễn Thị Giải		1940	272687293	199/6 kp 6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9230	Nguyễn Thị Hải		01/01/34	161268730	67/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9231	Nguyễn Thị Hào		01/01/40	270387468	33A/1 kp	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9232	Nguyễn Thị Hậu		01/03/37		82/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9233	Nguyễn Thị Hiền		01/01/40	270407192	39/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9234	Nguyễn Thị Hoa		01/01/35		261/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9235	Nguyễn Thị Hoa		01/01/32	270486777	311A/5 Kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9236	Nguyễn Thị Hoat		01/01/29	270389794	161/5 KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9237	Nguyễn Thị Hồng		01/01/25	272536169	106/5 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9238	Nguyễn Thị Hồng		01/01/30	270401107	3/3 KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9239	Nguyễn Thị Huệ		06/16/34	270388662	53/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9240	Nguyễn Thị Hương Quý		01/01/37	270543549	109/5 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9241	Nguyễn Thị Khiết		01/01/37	270387287	127/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9242	159	Nguyễn Thị Khiếu	01/01/35	270400013	79/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9243	160	Nguyễn Thị Khuyển	01/01/34		401/2, kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9244	161	Nguyễn Thị Kiên	01/01/30	270401449	57/7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9245	162	Nguyễn Thị Kim Loan	08/08/38	270388313	21B/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9246	163	Nguyễn Thị Kim Tiến	01/01/28	270388457	155/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9247	164	Nguyễn Thị Kỳ	01/01/29	270326418	61/2 KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9248	165	Nguyễn Thị Lệnh	01/01/25	270089177	27/83 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9249	166	Nguyễn Thị Lịch	03/03/33		10/2 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9250	167	Nguyễn Thị Liên	04/13/40	270389782	291/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9251	168	Nguyễn Thị Lục	01/01/36	270388629	49/4, KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9252	169	Nguyễn Thị Lướt	01/01/38	150204605	504/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9253	170	Nguyễn Thị Mai	08/15/37	276346318	119/7A kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9254	171	Nguyễn Thị Mão	02/12/40		155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9255	172	Nguyễn Thị Mên	01/01/40	270400758	41 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9256	173	Nguyễn Thị Mến	08/18/38	272271526	55/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9257	174	Nguyễn Thị Miên	02/20/39	270393777	21A/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9258	175	Nguyễn Thị Miện	01/01/33	270388843	137/4 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9259	176	Nguyễn Thị Mít	01/01/37		77C/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9260	177	Nguyễn Thị Mơ	09/10/38	272738943	53/48 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9261	178	Nguyễn Thị Mùi	01/01/32	270387405	272D/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9262	179	Nguyễn Thị Mùi	01/01/29		45/8 KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9263	180	Nguyễn Thị Mừng	01/01/25	270401480	2/7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9264	181	Nguyễn Thị Mỹ	01/01/32	270186620	155/5 Kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9265	182	Nguyễn Thị Ngân	01/01/33	270338890	6/4A Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9266	183	Nguyễn Thị Nghi	01/01/21	270388191	63/5, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9267	184	Nguyễn Thị Nghị	01/01/32	270389704	19/2 Kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9268	185	Nguyễn Thị Nghiêm	01/01/40	270407466	42/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9269	186	Nguyễn Thị Ngoan	01/01/37	270400787	40/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9270	187	Nguyễn Thị Ngọc Khuy	07/02/34		55/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9271	188	Nguyễn Thị Ngọc Lan	03/17/36	270421891	1/5, KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9272	189	Nguyễn Thị Ngợi	12/25/34	270401579	34/7 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9273	190	Nguyễn Thị Ngọn	01/01/30	270396950	tổ 9 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9274	191 Nguyễn Thị Ngự		01/01/38	270392752	132/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9275	192 Nguyễn Thị Nhàn		01/01/23	270392451	197/3, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9276	193 Nguyễn Thị Nhận		01/01/36		49/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9277	194 Nguyễn Thị Nhận		01/01/20	270392642	8/4 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9278	195 Nguyễn Thị Nhật		01/01/34	270407518	139A/5, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9279	196 Nguyễn Thị Nhò		01/01/39	270388529	156/6B kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9280	197 Nguyễn Thị Nhu		01/01/29	270379252	273A/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9281	198 Nguyễn Thị Nhuận		01/01/40	270393029	59/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9282	199 Nguyễn Thị Nhưông		01/01/37		146/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9283	200 Nguyễn Thị Nội		01/01/30	270034081	85/5 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9284	201 Nguyễn Thị Nụ		01/01/39	270387659	162/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9285	202 Nguyễn Thị Phú		01/01/29		80/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9286	203 Nguyễn Thị Quy		01/01/28		85/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9287	204 Nguyễn Thị Rất		09/03/39	140394077	286/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9288	205 Nguyễn Thị Ruệ		06/15/34	270392941	144/4 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9289	206 Nguyễn Thị Sâm		01/01/26	272272793	126/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9290	207 Nguyễn Thị Sen		10/20/38	270434863	61/7 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9291	208 Nguyễn Thị Sinh		01/12/34	272110025	40/4A kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9292	209 Nguyễn Thị Soi		01/01/37		7/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9293	210 Nguyễn Thị Sự		07/13/37	270287623	230/1, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9294	211 Nguyễn Thị Sưu		12/15/35	270080965	351A/3, tổ 6, KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9295	212 Nguyễn Thị Tâm		01/01/35	270401681	129E/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9296	213 Nguyễn Thị Tênh		05/05/35	270401049	31A/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9297	214 Nguyễn Thị Tèo		01/01/30	270392703	T063, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9298	215 Nguyễn Thị Tèo		01/01/37	272831135	123/5 QL1A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9299	216 Nguyễn Thị Thạch		01/01/25	280232672	238/3 KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9300	217 Nguyễn Thị Thái		01/01/37	270388986	93/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9301	218 Nguyễn Thị Thành		10/23/31	092082948	80/6B kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9302	219 Nguyễn Thị Thảo		01/01/32		155/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9303	220 Nguyễn Thị The		03/02/40		348B/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9304	221 Nguyễn Thị Thiệp		01/01/36	270437524	30/7, KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9305	222 Nguyễn Thị Thông		01/01/28	270353112	122/5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9306	Nguyễn Thị Thu		01/01/40	20480148	77C/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9307	Nguyễn Thị Tin		03/19/33	270401571	66/7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9308	Nguyễn Thị Tin		01/01/30		163/7 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9309	Nguyễn Thị Tinh		01/01/35		155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9310	Nguyễn Thị Tọa		01/01/37		13/5 tổ 7 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9311	Nguyễn Thị Tổng		04/03/32		46/7, kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9312	Nguyễn Thị Tú		02/02/34	270375990	34/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9313	Nguyễn Thị Tuấn		01/01/33	270387344	110/1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9314	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/29	270454991	tổ 10 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9315	Nguyễn Thị Tỷ		06/10/34	270380887	372/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9316	Nguyễn Thị Tỷ		01/01/33	272271585	165/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9317	Nguyễn Thị Tỷ		05/20/37		76/6B, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9318	Nguyễn Thị Tỷ		01/01/33	270388254	73/5 Kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9319	Nguyễn Thị Út		01/01/22		44/4 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9320	Nguyễn Thị Uy		01/01/35	270377553	57/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9321	Nguyễn Thị Vịn		01/01/37		127/82/14 kp5a	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9322	Nguyễn Thị Vun		08/06/35	270644048	172K/62	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9323	Nguyễn Thị Xích		01/01/22		27/75 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9324	Nguyễn Thị Xinh		01/01/35	270393008	67/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9325	Nguyễn Thị Xuyên		01/01/38	240116030	116G/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9326	Nguyễn Thị Y		01/01/30	270389678	63/1, kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9327	Nguyễn Thị Yên		01/01/33	270388679	145/5 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9328	Nguyễn Trường Trinh	11/07/33		270586293	28B/5, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9329	Nguyễn Văn Bàn	03/05/39		270387839	267/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9330	Nguyễn Văn Cảnh	01/01/26		270392662	95/4 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9331	Nguyễn Văn Cường	12/07/36		270704443	11/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9332	Nguyễn Văn Duy	08/02/39		270392926	134/42 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9333	Nguyễn Văn Hiếu	01/01/40		270393016	130/7 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9334	Nguyễn Văn Hòa	05/10/34			307/2A kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9335	Nguyễn Văn Hợi	01/01/35		270401748	28/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9336	Nguyễn Văn Kiệt	06/12/35			93/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9337	Nguyễn Văn Kỳ	01/01/35		270393051	89/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9338	Nguyễn Văn Loan	01/01/32			257/5, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BIXH	Hỗ trợ Covid-19	
9339	256 Nguyễn Văn Long	01/01/32		161127466	119/3 Kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9340	257 Nguyễn Văn Luyện	01/01/39		272179078	tổ 1 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9341	258 Nguyễn Văn Mùi	01/01/33		270387992	32/2 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9342	259 Nguyễn Văn Nông	01/01/28			195/3, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9343	260 Nguyễn Văn Phú	01/01/37			312/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9344	261 Nguyễn Văn Sỹ	01/01/25		270388788	145/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9345	262 Nguyễn Văn Thanh	01/01/27		270401482	77/7, kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9346	263 Nguyễn Văn Thời	01/01/37		270039937	12/76 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9347	264 Nguyễn Văn Thuận	05/15/34		276009164	589A/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9348	265 Nguyễn Văn Thục	01/01/40		272344245	41D/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9349	266 Nguyễn Văn Tiến	01/01/36			63/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9350	267 Nguyễn Văn Tinh	04/12/36			234/2A kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9351	268 Nguyễn Văn Toái	01/01/34		270602112	13/5, kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9352	269 Nguyễn Văn Toàn	01/26/36		270400376	124/2, KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9353	270 Nguyễn Văn Trần	01/01/40		270441554	57C/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9354	271 Nguyễn Văn Triều	05/05/39		270389651	84/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9355	272 Nguyễn Văn Tước	01/01/17		270392668	102/4, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9356	273 Phạm Đình Tong	01/01/32		270566338	28/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9357	274 Phạm Ngọc Chương	02/10/39		270375953	1/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9358	275 Phạm Như Hiến	01/01/32		270703569	34/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9359	276 Phạm Thanh Đức	01/01/29		270387947	198/1, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9360	277 Phạm Thị Bốn Phán		03/12/37		167A/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9361	278 Phạm Thị Cẩn		03/06/40		155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9362	279 Phạm Thị Châm		01/01/37	270387092	273/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9363	280 Phạm Thị Đại		01/01/37	270391246	74/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9364	281 Phạm Thị Dần		01/01/28	270034128	225/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9365	282 Phạm Thị Dịch		01/01/34		269/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9366	283 Phạm Thị Do		01/01/28		97/7 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9367	284 Phạm Thị Giải		01/01/38	270387966	289/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9368	285 Phạm Thị Giáp		01/01/37	272312859	tổ 8 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9369	286 Phạm Thị Giồng		01/01/33	270387151	57/1 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9370	287 Phạm Thị Hậu		08/16/39	270392535	30/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9371	288 Phạm Thị Hiền		01/01/31		89/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9372	Phạm Thị Hân		01/01/38	272499952	280/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9373	Phạm Thị Hời		01/01/40	270391178	54/77 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9374	Phạm Thị Hồng		01/01/25	272568583	308/3 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9375	Phạm Thị Huệ		01/01/33	270400481	29/4 Kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9376	Phạm Thị Kiểm		01/01/40	271073427	259/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9377	Phạm Thị Kỳ		07/10/39	270387682	217/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9378	Phạm Thị Liên		01/01/39	270391135	36/133/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9379	Phạm Thị Liêng		01/01/36		11/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9380	Phạm Thị Lý		05/20/37	270437045	112/2, KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9381	Phạm Thị Mẫu		01/01/38	270391853	160/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9382	Phạm Thị Mây		01/01/40	270400185	129/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9383	Phạm Thị Mến		01/01/40	270392153	235/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9384	Phạm Thị Mừng		01/01/40	020965675	155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9385	Phạm Thị Mười		08/15/37	270387372	97/36/85 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9386	Phạm Thị Năm Mỹ		01/01/37		235/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9387	Phạm Thị Nga		01/01/21		76/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9388	Phạm Thị Nghiễm		02/12/40		65/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9389	Phạm Thị Nghiễm		01/01/40		181/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9390	Phạm Thị Ngợi		01/01/37	270387603	131/1 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9391	Phạm Thị Nhị		01/01/32		36/97 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9392	Phạm Thị Như		01/01/37	270391396	182A/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9393	Phạm Thị Nhưông		01/01/37	270392191	261/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9394	Phạm Thị Phế		01/01/35	161497429	123/7 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9395	Phạm Thị Quyên		06/04/34	270387621	198/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9396	Phạm Thị Sáng		01/04/35	270387317	167/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9397	Phạm Thị Sảng		01/01/39		492/2 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9398	Phạm Thị Sen		01/01/28	270400602	41/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9399	Phạm Thị Sinh		07/16/39		65/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9400	Phạm Thị Suý		01/01/22		142/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9401	Phạm Thị Thái		09/12/38	021084642	106/5 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9402	Phạm Thị Thanh		10/13/35	270446223	94/19 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9403	Phạm Thị Thập		01/01/37	270387517	91/4 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9404	Phạm Thị Thiêm		01/01/32	270400576	117A/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9404	Phạm Thị Thiên		01/01/35	270391242		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9405	Phạm Thị Thiên		03/15/37		217/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9406	Phạm Thị Tho		01/01/28	270391258	94/2, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9407	Phạm Thị Thoa		01/01/36	272097653	97A/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9408	Phạm Thị Thục	01/01/26			tổ 7 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
9409	Phạm Thị Tít		01/01/27	270387665	287/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9410	Phạm Thị Tốt		01/01/37	270391897	168/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9411	Phạm Thị Trí		01/01/25	272446499	82/5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9412	Phạm Thị Xứng		01/01/25	270093295	57/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9413	Phạm Văn An	01/01/27		270420264	124/7, kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9414	Phạm Văn Căng	08/02/36		270389668	36/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9415	Phạm Văn Cao	01/01/33		270167210	292/3 Kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9416	Phạm Văn Chi	05/01/37		270387425	239/1, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9417	Phạm Văn Chin	08/01/33		270391420	117A/2 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9418	Phạm Văn Lạc	10/20/39		270302259	235/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9419	Phạm Văn Loan	06/02/36		270387218	108/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9420	Phạm Văn Phó	05/15/37		270387622	230/1, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9421	Phạm Văn Phong	01/01/33			82/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9422	Phạm Văn Phụng	01/01/39		270388648	156/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9423	Phạm Văn Quy	01/01/40			143 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9424	Phạm Văn Thọ	01/01/30		270387833	286/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9425	Phạm Văn Thục	08/15/38		270407094	39/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9426	Phạm Văn Toàn	03/26/33		270978526	kp5 B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9427	Phạm Văn Tường	03/30/37			97/36/43 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9428	Phạm Văn Tường	01/01/38		270392465	295/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9429	Phạm Văn Yên	02/10/40			154/9 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9430	Phạm Xuân Trục	07/20/35		270392025	208/4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9431	Phan Thị Huệ		01/01/37		493/116/13 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9432	Phan Thị Trương		01/01/36		24/4, KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9433	Phùng Thị Khâm		01/01/34	270389808	63/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9434	Quách Đình Mỹ	01/01/36		272036009	9/5, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9435	Quách Thị Bắc		01/01/37	270388816	124/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9436	Quách Thị Liễu		01/01/36	271844513	9/5, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9437	Quách Thị Mỗi		01/01/26	270392040	29/2, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9438	Quách Thị Ngũ		12/02/33	270391139	161/2, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9439	Quách Thị Quế		01/01/38	270392204	206/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9440	Quách Thị Tý		02/07/37	270407382	83A/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9441	Quách Văn Hữu	01/01/37			58/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9442	Quách Văn Sỏi	01/01/37			181/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9443	Quách Văn Thuận	01/01/40			65/5A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9444	Trần Đình Thoại	01/02/35		270389641	80/1 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9445	Trần Kim Phú	01/01/36		270400979	60A/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9446	Trần Ngọc Quế	01/01/30		272445215	295A/2, kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9447	Trần Ngọc Tuyền	03/10/40			70/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9448	Trần Thị Bé		05/19/39	270407572	58/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9449	Trần Thị Đến		01/01/34		267/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9450	Trần Thị Đích		01/01/34	270388674	562/7, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9451	Trần Thị Hận		01/01/34		104/4, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9452	Trần Thị Hương		05/01/33		52/6B KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9453	Trần Thị Kiều		04/16/40		tổ 11 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9454	Trần Thị Lang		05/08/35	270400641	63A/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9455	Trần Thị Lành		01/01/22	270400848	38/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9456	Trần Thị Liễu		01/01/37		42/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9457	Trần Thị Máng		01/01/36	270400258	34/3, KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9458	Trần Thị Mười		01/01/29	270388801	76/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9459	Trần Thị Mỹ		01/01/31	270288884	84/6B KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9460	Trần Thị Năm Khoát		01/15/39	270391260	367/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9461	Trần Thị Ngọc Minh		12/29/39	020965658	155/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9462	Trần Thị Ngọt		01/01/31		365/2 KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9463	Trần Thị Ngừ		01/01/40	271657667	tổ 7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9464	Trần Thị Nguồn		01/01/32	270452477	446/4 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9465	Trần Thị Nhọt		06/12/35	270401727	830 Q11A kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9466	Trần Thị Sa		01/01/28	270446654	kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9467	Trần Thị Tái		01/01/25		171/4 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9468	Trần Thị Tăng		01/01/39	272662167	197/2 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9469	Trần Thị Trà		10/26/39	270389555	66/1 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
9470	Trần Thị Út	08/02/33		270409048	36A/4 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9471	Trần Thị Vàng		01/01/37		222/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9472	Trần Trọng Tân	05/15/35		270400803	42/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9473	Trần Văn Ánh	01/01/36		270387230	129/1, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9474	Trần Văn Học	11/09/35		160443519	83A/6, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9475	Trần Văn Kỳ	01/01/37		270407101	35A/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9476	Trần Văn Quỳnh	07/20/33		270392856	63/4 Kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9477	Trần Văn Thành	12/12/36		272455148	179/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9478	Trần Văn Thoại	01/01/31		270388611	48/4 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9479	Trần Văn Thúc	04/14/37		2722271527	41, KP5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9480	Trần Văn Viễn	06/15/38		150204612	504/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9481	Trình Thị Khoa		04/14/37	271788857	224/2, KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9482	Trình Văn Thơm	01/01/27		310150400	tổ 14 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9483	Trương Công Liễu	02/03/38		272544307	251/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9484	Trương Thị Chung		01/01/29	270400933	22/6, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9485	Trương Văn Tam	01/01/37		272337996	133/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9486	Vũ Bá Thuộc	01/01/36		270643814	120/6, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9487	Vũ Hữu Hải	01/01/32		270040044	17/85 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9488	Vũ Kim Hiền	01/01/29		270388863	36/4, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9489	Vũ Thị Cầu		01/01/37		12/7B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9490	Vũ Thị Cậy		01/01/35		356/2, KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9491	Vũ Thị Cúc		01/01/26	270123471	242/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9492	Vũ Thị Đại		01/01/33	270131276	148B/2 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9493	Vũ Thị Gái		08/20/36	270424254	143/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9494	Vũ Thị Gấm		03/22/40		156/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9495	Vũ Thị Giang		01/01/36	270392850	95/4, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9496	Vũ Thị Hồ		01/01/30	270388783	55/4, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9497	Vũ Thị Hoàn		01/01/39	270392837	148A/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9498	Vũ Thị Huệ		01/01/37	270400291	65/3 kp8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9499	Vũ Thị Kém		01/01/34	272649110	416/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9500	Vũ Thị Liễu		08/18/38		61/4 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Mất T4
9501	Vũ Thị Mai Hương		09/19/37	270391895	149/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9502	419 Vũ Thị Mây		01/01/37		Dòng nữ Đa minh Thánh Tâm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9503	420 Vũ Thị Miến		01/01/35	270388527	119/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9504	421 Vũ Thị Mùi		01/01/27	270010608	77A/4, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9505	422 Vũ Thị Năm Cháp		01/01/37		58/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9506	423 Vũ Thị Nay		03/26/36	270392764	54/4, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9507	424 Vũ Thị Ngân		01/01/37		3C/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9508	425 Vũ Thị Nhiệm		01/01/40		39A/4 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9509	426 Vũ Thị Phụng		01/01/40	270388746	35/4 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9510	427 Vũ Thị Sáo		01/01/39	272871412	120/6 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9511	428 Vũ Thị Siêng		01/01/24	370640015	106/5 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9512	429 Vũ Thị Thanh		01/01/37		24A/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9513	430 Vũ Thị Thảo		05/15/38	270388278	85/5 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9514	431 Vũ Thị Thơm		01/01/39	272778207	361/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9515	432 Vũ Thị Tuyết		05/28/38	272436889	151/2 kp8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9516	433 Vũ Thị Tỷ		01/01/32	270110709	230E/4 Kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9517	434 Vũ Thị Vân		01/01/27		149B/6B KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9518	435 Vũ Văn Châu	01/01/36		270392878	80B/4, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9519	436 Vũ Văn Hách	05/24/36			337/8 kp5B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9520	437 Vũ Văn Mịch	01/01/37			544 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9521	438 Vũ Văn Ngoan	06/20/33		270400263	47/3 KP8B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9522	439 Vũ Văn Nhượng	01/01/37		270387279	167/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9523	440 Vũ Văn Sơn	01/01/31		272358554	92/1 KP8A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9524	441 Vũ Văn Thuật	01/01/30		270400708	24/4, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9525	442 Bạch Ngọc Phương		01/01/88		96/2 số kp8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9526	443 Bạch Văn Đại	06/30/63		271949009	157/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9527	444 Bùi Đức Thiên	01/07/93			498/8 KP5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9528	445 Bùi Duy Tuấn	10/18/89		271965130	8A/6 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9529	446 Bùi Thị Lái		01/01/65	272449583	452/4 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9530	447 Bùi Văn Thịnh	01/01/73			33/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9531	448 Chu Đình Tự	12/01/82		272205061	346/5 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9532	449 Chu Văn Hà	07/15/69			112Đ/5 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9533	450 Đặng Ngọc Hải Linh		03/07/90		E7 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9534	Đinh Khắc Lộc	12/14/81		272887234	219C/4 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9535	Đỗ Đăng Phương	02/05/68		272398928	C7 tổ 2 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9536	Đỗ Thị Bích Huyền		01/01/77		133/5 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9537	Đỗ Thị Thu Thủy	01/01/73			52/5 tổ 8 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9538	Đỗ Trúc Anh		11/20/77		135B/5 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9539	Hoàng Minh Thắng	05/22/93		272271597	90C/5 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9540	Huỳnh Bảo Hân		10/04/00	272768801	267B/4 tổ 2 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9541	Huỳnh Kim Ngân	01/01/91			288/8 KP5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9542	Lê Hoàng Vũ	01/25/93		272349487	138B/4 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9543	Lê Ngọc Khiêm	12/17/96			187/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9544	Lê Thị Mộng Thúy		01/01/68	270730883	271/1, kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9545	Lê Tiến Thành	02/21/94		272303525	54D/6 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9546	Lê Văn Bình	01/01/64		270391969	185A/6 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9547	Lưu Trung	05/04/62			13/3 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9548	Mai Lê Huyền		01/10/82	271936938	199C/4 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9549	Nguyễn Anh Thư		04/06/87	271946032	kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9550	Nguyễn Đình Nhân	01/01/78			93/8, KP5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9551	Nguyễn Đức Cầu	01/01/64		270387848	210/1 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9552	Nguyễn Hoàng Thùy Trang		01/01/74	271116614	127A/4, kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9553	Nguyễn Hồng Thương	01/01/94			203/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9554	Nguyễn Ngọc Hưng	01/01/85			55/2, KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9555	Nguyễn Ngọc Linh Duyên		03/27/00		64/4 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9556	Nguyễn Ngọc Nguyên Hạnh		02/01/85	271740656	101A/4 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9557	Nguyễn Nguyệt Phương Loan		01/01/93	321/3 KP8B		NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9558	Nguyễn Nhân Hòa	01/01/95			36B/6B KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9559	Nguyễn Phan Hoài Bảo	01/01/03			26/77 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9560	Nguyễn Quốc Bảo	08/25/87		271740749	134A/1 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9561	Nguyễn Quốc Đạt	08/07/73		271049141	326C kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9562	Nguyễn Quốc Tiến	10/31/94			28/75, kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9563	Nguyễn Tấn Kiệt	01/21/88		271898820	17C/7 kp5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9564	Nguyễn Tấn Lực	01/01/66			234/2A KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9565	Nguyễn Thành Hưng	01/01/64			74/6, KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9566	Nguyễn Thanh Huy	01/01/83			15A/83, kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9567	Nguyễn Thanh Thảo		01/01/88		71A/3, kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9568	Nguyễn Thị Bích Hoa		01/01/86		434/2 kp8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9569	Nguyễn Thị Giàu		01/01/65	022298427	209A/6 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9570	Nguyễn Thị Hào Huyền		12/21/95	272616678	67A/4 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9571	Nguyễn Thị Hồng		01/01/68		118/5 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9572	Nguyễn Thị Kim Nhung	01/01/81		271415628	148/4 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9573	Nguyễn Thị Ngọc Anh		01/01/65		66/5 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9574	Nguyễn Thị Soi		01/01/68	270726079	95/30 đường 510 QL1, kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9575	Nguyễn Thị Thanh Hiền		01/01/68	272326965	235/3 kp 8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9576	Nguyễn Thị Thanh Mỹ		09/19/81		225/6 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9577	Nguyễn Thị Thảo		07/19/64	270388575	18/5 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9578	Nguyễn Tiến Đức	11/22/67		270914459	66/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9579	Nguyễn Trọng Thế	01/01/67			24/5 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9580	Nguyễn Trung Nhật	01/01/91			104/4 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9581	Nguyễn Văn Bình	01/02/74		271380546	20N/6 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9582	Nguyễn Văn Đồng	06/01/69		181659258	58/2/9/1 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9583	Nguyễn Văn Giàu	01/01/75			32/2/10, kp8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9584	Nguyễn Văn Hào	01/01/66			209A/6 tổ 14 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9585	Nguyễn Văn Nam	01/01/61			10/77, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9586	Nguyễn Văn Tuấn	01/01/79		271257317	tổ 2, kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9587	Nguyễn Vũ Ngọc Duy	09/14/87		272087680	5B/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9588	Phạm Đăng Tiến	07/25/76		271158904	286/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9589	506	Phạm Đình Tuyên	01/01/72		73c/4 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9590	507	Phạm Đức Thiện Phát	01/01/98		107/3 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9591	508	Phạm Duy Đệ	01/01/97		39A/4, kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9592	509	Phạm Mạnh Quân	01/01/77		136/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9593	510	Phạm Minh Luận	01/01/89		126A/5 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9594	511	Phạm Ngọc Sơn	09/03/78		53/10 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9595	512	Phạm Ngọc Tuấn	01/01/70		163/4 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9596	513	Phạm Quang Chấn	05/05/95		154/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9597	514	Phạm Quang Thủy	01/01/82		99/3, kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9598	515	Phạm Quang Vinh	01/01/88		188/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9599	516	Phạm Quốc Hoàng	01/01/94		149/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9600	517	Phạm Thị Diễm Thúy		01/22/77	102/1 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9601	518	Phạm Thị Huệ		01/01/68	124/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9602	519	Phạm Thị Màu		01/01/66	413/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9603	520	Phạm Thị Ngọc Lan		03/18/65	94/64 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9604	521	Phạm Thị Phước		01/01/73	30/6, kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9605	522	Phạm Thị Thái Thanh		01/01/78	63/7 kp5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9606	523	Phạm Thị Thanh		07/15/63	288/5 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9607	524	Phạm Thị Tuyết Nhung		01/01/75	51/4 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9608	525	Phạm Thiên Phú		10/05/76	90/1 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9609	526	Phạm Văn Sang		04/12/91	12A/76 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9610	527	Phạm Văn Tịnh		04/30/68	179/1 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9611	528	Phạm Xuân Việt		01/01/79	142/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9612	529	Phạm Thị Tuyên		01/01/86	97/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9613	530	Phan Văn Long		01/01/72	102/2 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9614	531	Quách Thị Kim Ngân		01/01/82	155A/4 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9615	532	Quách Trung Tuấn		05/21/94	92D/5 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9616	533	Quang Cảnh Doanh		01/01/78	Tổ 5 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9617	534	Trần Đình Cảnh		11/21/60	7C/4 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9618	535	Trần Hữu Khang		09/07/78	93/36/12 kp8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9619	536	Trần Lê Minh Hiếu		01/01/98	tổ 7 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9620	537	Trần Ngọc Mỹ Hạnh		01/01/93	106/2 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9621	Trần Nguyễn Đông Giang	12/05/83			111/7 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9622	Trần Thế Hiền	01/01/80			190/1, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9623	Trần Thị Quỳnh Như		01/01/94		115C/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9624	Trần Văn Quang	01/01/92		272437072	206/5, kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9625	Trần Văn Quỳnh	01/15/65		272238329	484/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9626	Trần Văn Thập	01/01/73		271777111	163/3, kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9627	Trần Văn Vĩ	01/01/66		270704106	85/4, kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9628	Trần Văn Vy	02/16/63			40C/5 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9629	Trịnh xuân Thành	08/17/93			226F/4 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9630	Trương Tấn Hưng	01/01/85		272112997	268/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9631	Trương Tuấn Bảo	01/01/81			73/4 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9632	Vũ Chính Đình	01/01/62		272357629	91B/1, KP8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9633	Vũ Đức Huy	09/25/82		271444018	86/2 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9634	Vũ Minh Thiên	01/01/81			97/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9635	Vũ Quốc Bảo	06/03/94			253/4 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9636	Vũ Thanh Nhật	01/11/99			82/8 KP5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9637	Vũ Thị Hiền		01/01/74		161A/5 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9638	Vũ Thị Thanh Vân		01/01/69		53A/7 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9639	Vũ Thị Thu Tâm		01/01/62	270387155	43/5, kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9640	Vũ Trung Kiên	01/01/98			217/8 KP5B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
9641	Bùi Thị Hiền		01/01/29	270392582	6/4 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9642	Bùi Thị Thoa		02/28/28	270797136	2/1 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9643	Bùi Thị Trinh		11/02/39	272704035	106/5 kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9644	Bùi Thị Vĩnh		05/01/39	270013248	106/5 kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9645	Bùi Thị Ý		01/01/46	270400528	69/4 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9646	Bùi Văn Thập	11/15/56		270296762	170/3 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9647	Cao Văn Sửu	01/01/36		280338360	364/2, KP8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9648	Chu Ngọc Bích		02/01/38		159/2 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9649	Chu Thị Tuyên		08/20/43	270392379	40/2 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9650	Đàm Thị Duyên		01/01/21		75/1 KP8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9651	Đặng Viết Phán	04/15/49		270408343	KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9652	Đào Đại Nôi	01/01/37		270391493	9/3, Kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
9653	Đào Thị Yến		01/01/29	270401189	42/5 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9654	Đỗ Thị Bùi		06/15/50	270400795	187/3 KP8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9655	Đoàn Như Móng	12/10/37		270392585	54/4 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9656	Đoàn Thị Hoa		11/10/36	270389162	58/1 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9657	Đoàn Thị Quyết		01/01/39	270387888	94/37 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9658	Dương Thị Cừ		01/01/41		164/3 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9659	Dương Thị Lý		01/01/55	270904535	357/5 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9660	Hà Đăng Hòa	01/01/55		270407042	80/5 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9661	Hoàng Thị Tĩnh		01/01/47		194/3 KP8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9662	Hoàng Thị Tới		01/01/31	270407124	90/4 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9663	Hoàng Văn Chắt	05/14/16		270407362	122/5, KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9664	Lê Thị Kém		01/01/45	340327835	47C/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9665	Lê Thị Lá		01/01/37	273577222	237/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9666	Lê Thị Nhu		01/01/39		310/2 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9667	Lê Thị Thiện		01/01/36	270407525	6A/1, KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9668	Lê Thị Trang		02/10/49	270044932	15/2 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9669	Lê Thị Tru		01/01/42	270342336	138/4 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9670	Lê Thị Tươi		01/01/34		62/2 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9671	Lê Văn Hiền	01/01/32			6A/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9672	Mạc Đăng Sâm	05/02/42		100641429	131/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9673	Mai Thị Mùi		01/01/34		tổ 10 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9674	Mai Thị Tươi		01/01/24	270388214	38/5 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9675	Mai Xuân Thái	01/01/44			95/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9676	Ngô Thị Thương		01/01/40	270446658	150C1/3, KP8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9677	Nguyễn Đăng Thúc	01/01/33		270392942	144/4 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9678	Nguyễn Đức Bội	08/25/42		270255013	184A/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9679	Nguyễn Đức Thành	05/02/27		270436960	29/4 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9680	Nguyễn Hồng Nặc	12/02/44		272937166	tổ 13 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9681	Nguyễn Kim Chuẩn	05/01/58			118/4 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9682	Nguyễn Ngọc Trung	01/01/29			57/5 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9683	Nguyễn Quang Tráng	05/10/35		270401423	48/7 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9684	Nguyễn Thị Bông		01/01/29	270401430	55/7 KP5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9685	Nguyễn Thị Cây		01/01/38		6/2 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9686	Nguyễn Thị Châu		01/01/28	270371105	81/5 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9687	Nguyễn Thị Chiêu		01/01/30		397/2 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9688	Nguyễn Thị Chính		01/01/28	270254731	241/4 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9689	Nguyễn Thị Chút		07/12/53		351/4 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9690	Nguyễn Thị Đáng		01/01/29	270391679	183/2 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9691	Nguyễn Thị Đào		01/01/48		106/5, kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9692	Nguyễn Thị Diệu		01/01/34	270388901	8/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9693	Nguyễn Thị Đường		02/02/44	270401211	54/5 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9694	Nguyễn Thị Gái		01/01/46	160780789	319/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9695	Nguyễn Thị Gái		09/20/43	270391890	177/3 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9696	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/50	270400251	59/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9697	Nguyễn Thị Hiền		08/02/39	270400607	34/6 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9698	Nguyễn Thị Hoàn		01/01/57		278/3, KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9699	Nguyễn Thị Hồng		10/18/29	270401107	115/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9700	Nguyễn Thị Huệ		01/01/36		131/5, KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9701	Nguyễn Thị Huệ		07/18/36	270057136	32/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9702	Nguyễn Thị Kết		01/01/32	150443608	83A/6B Kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9703	Nguyễn Thị Khuyên		01/02/40	270388759	79/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9704	Nguyễn Thị Kim Anh		07/10/37	270388870	88/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9705	Nguyễn Thị Lan		01/01/30		106/5 KP5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9706	Nguyễn Thị Lát		01/01/24		127A/5 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9707	Nguyễn Thị Lịch		01/01/57		124/1 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9708	Nguyễn Thị Linh		01/01/35	270401403	18/5 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9709	Nguyễn Thị Ngọt		01/01/37	270598286	317/8 KP5B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9710	Nguyễn Thị Nhữ		01/01/35	270388432	110/5 tổ 10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9711	Nguyễn Thị Oanh		01/01/30	270388667	124A/5 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9712	Nguyễn Thị Riêm		01/01/50	270452636	83/4, kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9713	Nguyễn Thị Rinh		01/01/41	270407515	32/5 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9714	Nguyễn Thị Thuận		01/01/32	270154314	257D/5 Kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9715	Nguyễn Thị Xếp		01/01/36	270400507	124/4 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9716	633	Nguyễn Trung Thành	01/01/52		501/2 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9717	634	Nguyễn Văn Bột	11/12/50		9/3 kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9718	635	Nguyễn Văn Cung	01/01/35	270704279	175/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9719	636	Nguyễn Văn Ghi	09/09/49	270057311	33/4 Kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9720	637	Nguyễn Văn Mỹ	01/01/46	310163307	tổ 9, kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9721	638	Phạm Minh Tor	01/01/58	270392661	48B/4, kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9722	639	Phạm Ngọc Đăng	01/01/49	270010364	290/3 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9723	640	Phạm Thị Côn	10/25/41	270387977	2A/1 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9724	641	Phạm Thị Cương	06/16/57	270391494	41/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9725	642	Phạm Thị Học	01/07/56	270407332	46/5 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	Mất T4
9726	643	Phạm Thị Hứa	10/20/36	270401782	113/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	
9727	644	Phạm Thị Kỳ	01/01/30	272445826	106/3 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9728	645	Phạm Thị Kỳ	01/01/27		29/3 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9729	646	Phạm Thị Lan	01/01/37	270387741	276/1, kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9730	647	Phạm Thị Liễu	12/10/36	270391504	68/7 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9731	648	Phạm Thị Nụ	01/01/33	270388737	25/4 Kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9732	649	Phạm Thị Phước	07/10/49	272140994	178c/6 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9733	650	Phạm Thị Seng	01/01/32	270387314	97/1 Kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9734	651	Phạm Thị Thao	01/01/38	270437472	25a/7, kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9735	652	Phạm Trọng Tình	01/01/39	270392760	98/4 Kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9736	653	Phạm Văn Đức	01/01/48	270400736	187/3 KP8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9737	654	Phạm Văn Hay	10/23/52	272151132	87/3A kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9738	655	Phạm Văn Hồi	01/01/49	272391527	207/8, Kp5B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9739	656	Phạm Văn Quân	01/01/29		3/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9740	657	Phạm Văn Vương	08/01/37	270387224	142/5 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9741	658	Quách Thị Đạo	05/20/41		183B/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9742	659	Quách Văn Cón	01/01/36	271390822	24A/1 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9743	660	Tào Thị Lực	02/12/48		53A/7 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9744	661	Tò Thị Hạt	10/02/37	270138784	105A/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9745	662	Trần Công Hoàn	04/16/55	270434788	143/7 kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9746	663	Trần Ngọc Canh	10/05/39		121/3 tổ 3 kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9747	664	Trần Thị Chin	01/01/27		96/4, kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Mất T4
9748	665	Trần Thị Chuông	08/03/38	270914815	121/4 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9749	Trần Thị Lưu		01/01/33	272165024	60A/5 Kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9750	Trần Thị Lũy		01/01/33	210705527	266C/3, KP8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9751	Trần Thị Nơi		01/01/36	270400505	2/4 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9752	Trần Thị Ôn		01/01/58	272151113	60B/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9753	Trần Thị Vạn		01/01/27	270423340	16/6 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9754	Trần Tuyết Lập		01/01/56	270607644	267 a/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9755	Trần Văn Chương	01/01/57			94/26 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9756	Trần Văn Từ	09/08/49			kp8B	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9757	Trần Văn Tụng	06/20/53			92/8/16 kp8A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9758	Vũ Thị Hồng		01/01/41		265/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9759	Vũ Thị Phảng		01/01/41	370150406	413/2, kp8a	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9760	Vũ Thị Thấy		01/01/44	280241293	kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9761	Vũ Thị Việt		03/29/49	270387721	147/1 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
9762	Đào Thanh Long	01/01/05			313/97 kp5B	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9763	Lê Mạnh Hoan	01/01/05			18B/2, kp8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9764	Lê Ngân Yên Nhi		07/27/05		313/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9765	Lê Nguyễn Phương Anh		01/01/08		52/2 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9766	Nguyễn Anh Dũng	10/10/09			51/1/32 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9767	Nguyễn Hoài Thương		01/06/13		510A/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9768	Nguyễn Hoàng Tinh Tú	10/05/04			12/6 KP6A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9769	Nguyễn Lê Mỹ Duyên		08/22/08		393B/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9770	Nguyễn Minh Huy	02/25/10			218/4 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9771	Nguyễn Ngọc Anh Thư		07/10/12		21A/6 kp6A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9772	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh		10/30/17		299B/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9773	Nguyễn Ngọc Trúc Ly		01/01/07		350/5, KP9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9774	Nguyễn Phạm Minh Khoa	10/05/11			158/2 kp8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9775	Nguyễn Quốc Huy	10/26/14			303A/8 kp5B	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9776	Nguyễn Quốc Phong	10/01/05			54B/1 KP8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9777	Nguyễn Quỳnh Anh		06/02/14		83/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9778	Nguyễn Song Nghi		08/30/11		tô 4 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9779	696 Nguyễn Thạch Bảo Khanh	10/28/03			28B/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9780	697 Nguyễn Thanh Hải	04/20/17			65C/4 kp7	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9781	698 Nguyễn Thế Vinh	02/15/13			11/7 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9782	699 Nguyễn Thị Ánh Tuyết		12/29/11		180/3 KP8B	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9783	700 Nguyễn Thị Xuân Mai		10/16/07		259/5 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9784	701 Nguyễn Tiến Khải	12/28/08			85/38/36/2 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9785	702 Nguyễn Vũ Kim Anh		08/05/14		85/38/36/2 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9786	703 Phạm Công Thành	01/01/04			16/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9787	704 Phạm Công Vinh	01/01/04			16/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9788	705 Phạm Điền Phú Quý		01/06/14		413/2C tổ 12 kp8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9789	706 Phạm Hà Anh Tuấn	05/19/08			12A/76 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9790	707 Phạm Hằng Bình An		09/03/11		111/5 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9791	708 Phạm Hồng Khuyên		01/10/05		30A/7 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9792	709 Phạm Minh Đăng	10/03/17			281/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9793	710 Phạm Minh Quân	10/02/12			81A/1 kp8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9794	711 Phạm Quỳnh Anh		01/19/17		89/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9795	712 Quách Ngọc Trà My		08/04/12		173/3 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9796	713 Tạ Đa Thức	01/01/09			347A/2 KP8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9797	714 Trần Đào Quế Anh		12/02/03		62B/6 KP6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9798	715 Trần Đoàn Minh Khôi	01/10/07			298/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9799	716 Trần Hoàng Yến Nhi		11/26/12		139/6 kp10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9800	717 Trần Phương Linh		09/19/11		308A/2 tổ 12 KP8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9801	718 Trương Duy Bảo	02/16/11			336/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9802	719 Trương Hoàng Mỹ Duyên		05/17/08		105/6 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9803	720 Vũ Anh Kiệt	06/10/14			53B/51 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9804	721 Vũ Minh Quân	10/04/11			206/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9805	722 Vũ Phạm Thiên Ân	01/01/08			59/3 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
9806	723 Bùi Đình Luyện	03/18/75			370/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9807	724 Bùi Phương Loan		01/01/90	272507899	51/8 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9808	Bùi Thị Ánh Hồng		01/01/73		128/4 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9809	Bùi Thị Tuyết Mai		11/27/63	270374936	153A/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9810	Cao Hoàng Khánh	01/01/79			91D/6, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9811	Cao Hoàng Linh	07/13/72		271003923	91B/6 KP6	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
9812	Chu Duy Thiện	01/01/84		271545858	128/3, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9813	Chu Thanh Tùng	08/08/95		272456521	183/6 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9814	Chu Thị Xuân		01/01/67	270794772	132/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9815	Chu Văn Viên	01/01/60		272533867	233/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9816	Danh Hồng Phương		01/01/89	271961958	147/7, Kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9817	Đào Kinh Doanh	06/12/64		270393442	151A/4 tổ 6 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9818	Đào Thị Bích		01/01/62	270387147	270/8 KP5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9819	Đào Thị Kim Soa		06/01/68	271059984	kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9820	Đình Công Vinh	09/21/61			155A/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9821	Đình Đức Lâm	04/10/91		272067593	182/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9822	Đình Thị Thùy Linh		08/15/98		127/82/30 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9823	Đỗ Duy Linh	01/01/66		271668342	68C/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9824	Đỗ Thị Ngọc Hồng		01/01/92	272386011	29/75 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9825	Đỗ Thị Tuyết Trinh		01/01/72		33/5 tổ 8 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9826	Đỗ Văn Đại	01/01/75		361749999	316B/4 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9827	Đỗ Văn Thông	06/05/65		270662110	160A/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9828	Đoàn Thị Thủy Ngọc		01/01/82	272769541	100/5 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9829	Dương Thị Minh Tuyết		02/21/60	270401543	5A/5 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9830	Hà Công Tiến	01/01/81		271418499	73/7 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9831	Hà Kim Hương		01/01/74	271936503	139/2, KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9832	Hoàng Hồng Hạnh		11/06/88	271914075	302/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9833	Hoàng Khắc Luyện	01/01/88			140/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9834	Hoàng Uyên Vi		05/12/83	272885136	48C/1 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9835	Hứa Trạ Đà	09/29/76		168211518	tổ 8 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9836	Huỳnh Ngọc Thanh	12/01/72		272287198	350/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9837	Huỳnh Thị Đào	11/20/61		272279669	tổ 7 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9838	Khổng Thị Thiên Trang		06/17/91	272151160	326B/4 tổ 7 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9839	Kim Trọng Hữu	01/01/94			142/6 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9840	Lê Bình Minh	01/01/83		271498595	92/25, kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9841	Lê Đức Chiến	01/01/90		272399263	50E/6B, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9842	Lê Hữu Luân	01/01/86		272079172	25A/2, kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9843	Lê Huy Thục	01/01/64		270392058	220/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9844	Lê Quý Đôn	08/01/01			116/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9845	Lê Quỳnh Như		01/01/98		8/2A KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9846	Lê Thị Diễm Trinh		11/29/00		3334/3 KP8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9847	Lê Thị Mát		02/09/63	272271868	105/93/27/9 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9848	Lê Văn Hưng	01/01/67		270921745	289A/1 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9849	Lư Văn Hành	09/09/61		270400243	562/58 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9850	Lương Quốc Hiệp	01/01/87		272584509	tổ 10, kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9851	Mai Thị Lê Huyền		01/01/83	271448810	65/4 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9852	Mai Thị Thủy Hằng		01/01/74	272715852	41/3, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9853	Ngô Thị Mai Lý		01/01/82	271662214	46/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9854	Ngô Thị Xuân		07/08/69		155A/5 T12 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9855	Ngô Văn Nguyên	01/01/79			256/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9856	Nguyễn Anh Cường	01/01/70			57C/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9857	Nguyễn Công Danh	12/16/96		272598191	427/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9858	Nguyễn Đăng Bảo Giang	01/01/80		271498462	157B/4 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9859	Nguyễn Đình Hưng	01/01/69			68/4, kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9860	Nguyễn Đỗ Minh Nhật	11/04/02			143/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9861	Nguyễn Đoàn Hải	12/28/91			29/7 kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9862	Nguyễn Đức Long	01/01/77		271263131	100/5 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9863	Nguyễn Đức Thi	04/17/62		271597429	tổ 8 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9864	Nguyễn Đức Thiện	01/01/70		270794986	83C/1 KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9865	Nguyễn Đức Thịnh	07/10/61		271870603	80/5 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9866	Nguyễn Duy Cường	09/12/86		271919320	89/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9867	Nguyễn Duy Hải	01/01/81		272156311	35/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9868	Nguyễn Gia Phát	06/08/95			46/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9869	Nguyễn Hải Đăng	08/22/88		272794042	293A/2, KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9870	Nguyễn Hoa Cương	01/01/79		271891212	6B/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9871	Nguyễn Hoàng Anh	01/15/98			tổ 7 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9872	Nguyễn Hoàng Duy	01/01/03			71Q/6b	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9873	Nguyễn Hoàng Phú Cường	06/10/89			26/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9874	Nguyễn Hồng Phong	05/01/69		270771230	118/4 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9875	Nguyễn Huy Phong	01/01/73		271158612	64A/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9876	Nguyễn Lâm	05/27/84			36A/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9877	Nguyễn Minh Bằng	11/20/90			368/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9878	Nguyễn Minh Cường	01/02/00		272916525	85A/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9879	Nguyễn Ngọc Đức	01/01/86			30/77 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9880	Nguyễn Ngọc Khá	01/01/84			120/2 KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9881	Nguyễn Ngọc Kim Linh		01/01/89	271965109	61/4 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9882	Nguyễn Ngọc Thanh	10/10/70		270794813	111R/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9883	Nguyễn Ngọc Thiện	06/05/74		271285893	219/6b kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9884	Nguyễn Nguyệt Bích Hồng		05/10/88	271979958	321/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9885	Nguyễn Quang Hưng	07/01/02			79/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9886	Nguyễn Quang Hưng	10/11/69		272201134	115/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9887	Nguyễn Quốc Dương	07/24/84		271548850	148A/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9888	Nguyễn Quốc Khánh	01/01/65		272271533	492/2 KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9889	Nguyễn Quốc Thắng	01/01/80		271415483	357/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9890	Nguyễn Quốc Tuấn	01/01/72			236/3 KP8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9891	Nguyễn Sơn Long	01/01/99			215/1 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9892	Nguyễn Thái Hoàng	06/22/83		270098935	29A/2 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9893	Nguyễn Thanh Bình	01/01/74		271067499	24/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9894	Nguyễn Thành Chương	01/01/78		271323606	358/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9895	Nguyễn Thanh Lâm	01/01/84		271891499	351/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9896	Nguyễn Thanh Phương	03/10/60		270942791	7 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9897	Nguyễn Thành Thiện	08/01/03			110/4 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9898	Nguyễn Thị Bích Thủy		07/12/84	271881962	178/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9899	Nguyễn Thị Bích Vân	02/01/87		272600589	195/6A KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9900	Nguyễn Thị Đệ		01/01/62		185A/6 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9901	818 Nguyễn Thị Đẹp		01/01/62		172/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9902	819 Nguyễn Thị Dung		08/23/64	270407534	83B/5 tổ 5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9903	820 Nguyễn Thị Hồng Nhung		10/02/02		58/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9904	821 Nguyễn Thị Khôi		08/13/64	270386080	22A/75 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9905	822 Nguyễn Thị Kim Loan		03/28/79	272726483	312/3 tổ 6 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9906	823 Nguyễn Thị Lan		09/11/84	276006845	493/158/17/18 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9907	824 Nguyễn Thị Liễu		01/01/61	271116654	61C/5 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9908	825 Nguyễn Thị Loan		01/10/70	270889250	35C/4 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9909	826 Nguyễn Thị Loan		11/24/89	272201279	tổ 7 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9910	827 Nguyễn Thị Lưu		01/03/85		69B/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9911	828 Nguyễn Thị Mơ		08/02/78	270388796	231/4 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9912	829 Nguyễn Thị Ngọc Bích		02/07/93		85/4 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9913	830 Nguyễn Thị Ngọc Liên		05/25/88	271870703	60A/6B kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9914	831 Nguyễn Thị Nhân		01/01/81		53/128/17 tổ 20 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9915	832 Nguyễn Thị Nhân		01/01/64	270436961	29/4 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9916	833 Nguyễn Thị Nụ		01/01/80		85/6B, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9917	834 Nguyễn Thị Nữ		01/01/62		254/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9918	835 Nguyễn Thị Phương Dung		11/22/90	272151296	35C/4, KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9919	836 Nguyễn Thị Quỳnh Diễm		08/08/71		38/2, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9920	837 Nguyễn Thị Thanh Thảo		09/10/92	272155430	86/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9921	838 Nguyễn Thị Thu		05/24/64	270703178	80/5 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9922	839 Nguyễn Thị Trang Thu Thủy		08/28/68	270794220	25/4 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9923	840 Nguyễn Thị Tú Nguyễn		03/11/79	271252575	26/75 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9924	841 Nguyễn Thị Yến Linh		10/26/64	270388448	14/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9925	842 Nguyễn Trần Huỳnh Đức	09/04/01			95/5 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9926	843	Nguyễn Triệu Phi	11/27/68		270794000	171/5 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000
9927	844	Nguyễn Tuấn Long	01/01/60		270388192	15/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000
9928	845	Nguyễn Văn Bích	12/12/75		034075005410	57/5 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000
9929	846	Nguyễn Văn Bính	12/15/78		171667063	199B/2 tổ 8 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000
9930	847	Nguyễn Văn Định	01/01/62		270387646	267/1, KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000
9931	848	Nguyễn Văn Hiếu	09/24/68		270914975	576/4 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000
9932	849	Nguyễn Văn Hữu	01/01/66		272271692	J10 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000
9933	850	Nguyễn Văn Khỏe	01/01/74		271295460	74/4 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000
9934	851	Nguyễn Văn Long	02/03/64			127B/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
9935	852	Nguyễn Văn Sẻ	10/12/63			74/4 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000
9936	853	Nguyễn Văn Vượng	10/25/62		270392207	151B/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
9937	854	Nguyễn Vũ Ngọc Nga		01/01/91	272445213	233/1, kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000
9938	855	Nguyễn Vũ Thành Danh	01/02/83			365/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000
9939	856	Ninh Thị Loan		09/08/60	272378808	145/21 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000
9940	857	Phạm Anh Dũng	01/01/72			51/4 Kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000
9941	858	Phạm Đăng Du	04/30/71		272637733	286/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
9942	859	Phạm Duy Luân	01/01/94		272545861	153/3, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000
9943	860	Phạm Hoàng Mỹ	01/01/92			8B/5 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000
9944	861	Phạm Hồng Khanh	01/01/74			kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000
9945	862	Phạm Hữu Tín	08/17/03			89/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000
9946	863	Phạm Khánh Hưng	01/01/82		271548911	36/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000
9947	864	Phạm Kim Long	01/01/63		270392027	202/A/3, kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000
9948	865	Phạm Long Toàn	01/01/76		271323623	153/4 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
9949	866	Phạm Minh Thắng	01/01/90		271365025	103/5, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000
9950	867	Phạm Ngọc Cường	01/01/79			261/2 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000
9951	868	Phạm Ngọc Hường	04/25/65		270703659	276A/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000
9952	869	Phạm Ngọc Quốc	01/01/82		270387039	261/1 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000
9953	870	Phạm Ngọc Sơn	01/01/61		270387034	37/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000
9954	871	Phạm Nguyễn Phương Ngân Hà		03/20/95		59/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000
9955	872	Phạm Phi Hùng	02/22/00		272719993	124/7 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
9956	873 Phạm Quốc Khánh	01/01/80		271444035	36C/6, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9957	874 Phạm Thị Bích Vân		01/01/95		291/3, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9958	875 Phạm Thị Hiền		09/14/79	151866931	79C/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9959	876 Phạm Thị Hoàng		01/01/68	270746069	128/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9960	877 Phạm Thị Mỹ		01/01/66	270704000	41/3, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9961	878 Phạm Thị Thành		01/01/61	272299934	281/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9962	879 Phạm Thị Thanh Thảo		01/01/82	271740445	149/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9963	880 Phạm Thị Thanh Vân		01/01/93		80/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9964	881 Phạm Thị Thông		02/15/61	181423808	112A/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9965	882 Phạm Thị Thu Hà		01/01/96	272477451	131/3, kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9966	883 Phạm Thị Thu Yến		11/03/01		73C/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9967	884 Phạm Văn Hùng	08/04/70		270794221	8/3 kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9968	885 Phạm Văn Lễ	01/01/62		270391814	167/3, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9969	886 Phạm Văn Phúc	01/01/68		272271594	41/3, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9970	887 Phạm Văn Tuấn	04/10/79		182449595	25/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9971	888 Phạm Vũ Phong Lưu	01/01/88		271960756	143/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9972	889 Phạm Xuân Hiệp	01/01/97			172/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9973	890 Phan Ngọc Huy	09/06/84			579/4 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9974	891 Phan Thanh Sơn	01/27/84		271561364	kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9975	892 Quách Đình Hằng	01/01/83			65/3A KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9976	893 Quách Đình Vinh	01/01/77			141/6B kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9977	894 Quách Quốc Duy	01/01/82		271444168	3/5B KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9978	895 Quách Thị Hồng Vân		01/01/82	271740198	78/1 KP 8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9979	896 Tạ Anh Kiêm	01/01/70			372/4 Kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9980	897 Trần Anh Tuấn	01/01/73		271073158	190/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9981	898 Trần Đình Khải	01/01/63		270388269	78A/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9982	899 Trần Duy Khánh	08/10/93		272271796	240/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9983	900 Trần Khánh Thành	01/01/85		271711468	54/5, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9984	901 Trần Lệ Anh Thơ		02/22/76	272683568	2E/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9985	902 Trần Mỹ Huyền		03/25/02		26/75 tổ 3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9986	903 Trần Ngọc Khanh	07/21/66		270703082	45A/2 kp8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9987	904 Trần Thanh Phong	01/01/90		365793330	25/7 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9988	905 Trần Thị Bạch		03/17/71	272536822	88/2 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
9989	Trần Thị Diệp		09/12/61	270442777	kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9990	Trần Thị Kim Đình		02/01/69	270915612	245B/4 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9991	Trần Thị Kim Liên		01/01/60	270446658	111/6 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9992	Trần Thị Kim Nhung		01/01/62	270400595	40/4, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9993	Trần Thị Liên		01/01/71	272143158	347/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9994	Trần Thị Nhũ		01/01/75		97/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9995	Trần Thị Oanh	01/01/86		272646830	530/2 KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9996	Trần Thị Thanh Trâm		01/01/86		29B/6, kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9997	Trần Thị Văn Anh		01/01/87		162B/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9998	Trần Tuấn Duy	01/01/83		271740269	178F/6 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
9999	Trần Tuyết Mai		08/02/66	271252575	67C/5 tổ 8 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10000	Trần Văn Lâm	01/01/71		270914625	124/4 Kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10001	Triệu Thị Lương		01/01/63	270386523	61A/4, KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10002	Trịnh Văn Huân	08/01/67		162223419	kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10003	Trương Sĩ Hiếu	01/01/79		271323760	51/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10004	Trương Tú Trâm		01/01/92	272193160	51/5 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10005	Trương Văn Ruệ	03/26/60			135A/4 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10006	Võ Đức Trung	01/01/86			130/6 tổ 6 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10007	Vũ Đức Đường	01/01/64			46/2 KP8A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10008	Vũ Đức Hoàng Anh	04/22/85		271736017	85/8 kp5B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10009	Vũ Duy Hải	10/07/98			93/3 KP8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10010	Vũ Duy Hùng	09/01/01			93/3 KP8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10011	Vũ Ngổ Thu Hà		09/01/70	270912292	2/5B kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10012	Vũ Quốc Phú	01/01/78		271724257		NKT nặng	450.000	1.500.000	
10013	Vũ Thị Kim Hiền	01/01/75		271117746	kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10014	Vũ Thị Kim Loan		02/22/67	270914241	255/5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10015	Vũ Thị Nguyệt		12/12/84		kp8B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10016	Vũ Thị Thanh Thù		11/07/97	272557542	KP6B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10017	Vũ Thị Tuyết Nga		12/26/76	271990383	71/7 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10018	Vũ Văn Anh	04/04/67			109/4 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10019	Vũ Văn Đoàn	01/01/66			75/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10020	Vũ Xuân Cường	01/01/84		271740826	282/1 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
10021	Bùi Thị Minh		07/15/49	270389909	4/5 kp5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10022	Bùi Thị Nhiệm		01/01/56	360424828	191/2 KP8A	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
10023	Bùi Văn Dũng	01/01/56			311A/5 KP9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10024	Cao Thị Nghiệm		03/03/45	272795691	269/5 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10025	Chu Thị Giang		02/03/36	270387371	152/1 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10026	Chu Thị Lộc		01/01/56		151/3. KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10027	Chu Văn Lợi	12/27/56		270391159	36/2 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10028	Đặng Thị Đất		01/01/49	250713913	150D/3 KP8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10029	Đặng Thị Nhuận		12/26/55	270374663	24A/4 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10030	Đào Thị Bốn		01/01/37	270387925	250/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10031	Đào Thị Hào		09/05/41	270387039	1/1 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10032	Đào Thị Miết		01/01/39	272698054	121/3 kp8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10033	Đào Văn Thiên	01/01/48		270914165	58/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10034	Đậu Thị Bày		10/12/55	270388496	Tập thể Dòng Đa minh thánh tâm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10035	Đinh Đức Chung	03/20/52		270413233	10/3 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10036	Đinh Thị Kém		07/27/45	270400032	25B/3 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10037	Đinh Thị Túy		01/01/39	272500734	133/8. KP5B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10038	Đinh Xuân Hoàng	05/01/42		270814830	177/5 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10039	Đỗ Thị Hương		02/01/42	270914305	45/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10040	Đỗ Thị Kim Phúc		04/10/44	270046972	136/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10041	Đỗ Thị Mỹ An		01/05/54		tổ 8A kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10042	Đỗ Thị Nguyễn		01/01/45	280338725	kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10043	Đỗ Thị Sắc		01/01/23	271946057	95/37. kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10044	Đỗ Trọng Cương	01/01/45		270436926	376/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10045	Đỗ Văn Đức	01/01/55		272259807	149/7 KP 5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10046	Đỗ Văn Vượng	05/26/52		271448571	84/5C kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10047	Đông Thị Tâm		04/13/46		377/22 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10048	Lê Hồng Kỳ	01/01/47		271760529	113/8 KP5B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10049	Lê Nguyễn Khánh	03/12/49		272358451	tổ 10 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10050	Lê Thị Minh		01/01/58	272344040	26 đường N8, kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10051	968	Lê Thị Tư		01/01/38	034138000214	kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10052	969	Lê Trung Nam	05/01/59		270387692	124A/5 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10053	970	Lương Thị Tiếp		04/08/58	270057103	105/80, KP8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10054	971	Lương Văn Tạo	09/09/57			130/2 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10055	972	Lưu Thị Quy		06/19/56	270387160	323B/4 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10056	973	Mai Thị Hiền		01/01/36	272470737	292/4, Tổ 10, KP7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10057	974	Mai Thị Liên		01/01/41		63/7 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10058	975	Mai Văn Đồng	09/20/46			142/6 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10059	976	Ngô Đình Vương	01/01/42		160985491	95/29 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10060	977	Ngô Thị Huệ		01/01/50		113/4 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10061	978	Ngô Thị Mai		03/09/33	270389649	61C/7 KP5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10062	979	Ngô Thị Nở		02/06/56	272815687	95/67 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10063	980	Nguyễn Đức Lâm	01/01/58		270388243	15/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10064	981	Nguyễn Đức Minh	06/02/42		270391451	143/2 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10065	982	Nguyễn Ngọc Khuê	07/25/50		271777757	tổ 7 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10066	983	Nguyễn Ngọc Tân	03/09/50		272330976	kp5B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10067	984	Nguyễn Thái Hào	01/15/51		272646455	Khu phố 8b	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10068	985	Nguyễn Thị Chính		01/11/55	270044982	32/4 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10069	986	Nguyễn Thị Cúc Hoa		01/01/43	270388561	150/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10070	987	Nguyễn Thị Dương		01/01/51		74/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10071	988	Nguyễn Thị Hằng		01/01/29	272239770	92C/5 Kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10072	989	Nguyễn Thị Hòa		01/01/58	272480345	75/7, KP5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10073	990	Nguyễn Thị Hương		01/01/58	273087881	277/1 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10074	991	Nguyễn Thị Lá		01/01/42		167/8, KP5B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10075	992	Nguyễn Thị Lành		01/01/49	270505373	154/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10076	993	Nguyễn Thị Loan		01/01/36	270467204	236/4, KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10077	994	Nguyễn Thị Năm		01/01/38		31/2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10078	995	Nguyễn Thị Nở	01/01/51		270392728	89/4 KP7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10079	996	Nguyễn Thị Ngự		01/01/27	270400628	35/4 KP6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10080	997	Nguyễn Thị Nhân	01/04/59		271921404	53/89 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10081	998	Nguyễn Thị Nho		01/01/40	270391946	178/3 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000
10082	999	Nguyễn Thị Nhuận		11/12/48		45/4 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10083	1000	Nguyễn Thị Nội	01/01/37	270400483	125/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10084	1001	Nguyễn Thị Oanh	10/20/56	130157296	506/2 KP8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10085	1002	Nguyễn Thị Sáng	09/13/58	271891965	42/7 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10086	1003	Nguyễn Thị Tiều	01/01/35	270400624	128/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10087	1004	Nguyễn Thị Tròn	01/01/31	270405212	10/85 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10088	1005	Nguyễn Thị Tường	01/01/36	270392243	110/3, KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10089	1006	Nguyễn Thị Uyên	12/02/37	270401742	107/4, kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10090	1007	Nguyễn Thị Vân	01/01/37		34/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10091	1008	Nguyễn Thị Vi	01/01/45	272123682	35C/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10092	1009	Nguyễn Thị Vờ	01/01/47	270392897	80B/4 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10093	1010	Nguyễn Thị Vườn	01/01/47	272123671	35/5A kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10094	1011	Nguyễn Thị Xuyên	01/01/48	270407263	128/5 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10095	1012	Nguyễn Văn Bi	01/01/45		156/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10096	1013	Nguyễn Văn Đệ	08/05/55	270426918	78D/4 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10097	1014	Nguyễn Văn Đoàn	07/07/47	250215621	2/48 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10098	1015	Nguyễn Văn Đông	02/16/54	270329076	421E/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10099	1016	Nguyễn Văn Hào	09/25/52		430/2 KP8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10100	1017	Nguyễn Văn Lâm	04/30/56	271914470	476/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10101	1018	Nguyễn Văn Minh	12/12/39	270374733	220/8 kp5B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10102	1019	Nguyễn Văn Quang	05/20/50	270431775	kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10103	1020	Nguyễn Văn Quyền	08/11/59	270400760	81A/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10104	1021	Nguyễn Văn Tỷ	06/20/44	270400530	69/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10105	1022	Phạm Hữu Toàn	01/01/40	271657661	tổ 7 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10106	1023	Phạm Thanh Minh	06/22/57	270407291	111/5 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10107	1024	Phạm Thị Cúc			184/1 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10108	1025	Phạm Thị Đào		271571759	259/8, kp5B	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
10109	1026	Phạm Thị Đệ	04/11/31	270391552	176/2 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10110	1027	Phạm Thị Ghi	01/01/35	270387006	37/1 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10111	1028	Phạm Thị Gù	03/06/42	270387458	36/129 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10112	1029	Phạm Thị Lương	01/01/37	270387030	12/1 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10113	1030	Phạm Thị Lý	10/06/55	272155212	17b/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10114	1031	Phạm Thị Mai Hương	01/01/59	270387195	91/1, kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10115	1032	Phạm Thị Mỹ		09/08/34	46/5, kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10116	1033	Phạm Thị Năm		03/22/43	40/6 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10117	1034	Phạm Thị Nhiệm		01/01/48	162B/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10118	1035	Phạm Thị Phiến		01/01/31	38C/5 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10119	1036	Phạm Thị Thục		01/01/54	140/2 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10120	1037	Phạm Thị Vĩ		01/01/51	56/4 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10121	1038	Phạm Văn Chung	01/01/49		340/4, KP7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10122	1039	Phạm Văn Đông	04/14/40		250/5 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10123	1040	Phạm Văn Hiếu	01/01/32		211/1 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10124	1041	Phạm Văn Kính	04/10/44		298/3 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10125	1042	Phạm Văn Lan	08/28/56		158/6 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10126	1043	Phạm Văn Nghiệp	01/01/48		150/3 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10127	1044	Phạm Văn Phúc	01/01/55		kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10128	1045	Phạm Văn Thuận	02/25/58		163/3 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10129	1046	Phạm Văn Trí	10/25/44		81/2 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10130	1047	Phạm Văn Phú	09/19/49		110/4 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10131	1048	Quách Đình Luận	12/10/52		5/5 KP5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10132	1049	Quách Thị Phương		01/01/42	271/1 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10133	1050	Quách Thị Ty		10/10/49	194C/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10134	1051	Tổng Thị Nhiệm		01/01/29	45/5 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10135	1052	Trần Đức Long	03/18/59		62/3 KP8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10136	1053	Trần Quang Đất	03/15/39		56/3 kp8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10137	1054	Trần Thị Đức Khánh		01/01/54	62/3 KP8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10138	1055	Trần Thị Mạnh		01/01/36	125B/3, KP8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10139	1056	Trần Thị Ngọc		07/18/37	124/4 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10140	1057	Trần Văn Quyết	01/01/58		7/7 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10141	1058	Trần Văn Thành	05/20/50		57A/2 kp8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10142	1059	Vũ Bá Hại	10/20/46		59/3 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10143	1060	Vũ Đức Ủy	05/05/58		219/1/17 tổ 6, kp8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10144	1061	Vũ Ngọc Doanh	12/05/57		60D/4 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10145	1062	Vũ Thị Bút		01/01/34	205A/1, kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10146	1063	Vũ Thị Phánh		01/01/50	4/77 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
10147	Vũ Thị Sáng		01/17/41	270407504	11 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10148	Vũ Thị Vỹ		01/08/40	270400292	135/2, KP8A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10149	Vũ Thị Yêng		01/01/45		314/3 tổ 6 kp8B	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10150	Vũ Viết Đông	01/01/57		270387162	82/1 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
10151	Đặng Bình Khánh	01/01/07			289/4 KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10152	Đặng Quốc Tuấn	05/16/05			69K/6 tổ 13 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10153	Đào Thị Hòa		12/05/03		86/5 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10154	Đỗ Quang Khánh	06/11/07			26/75 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10155	Đoàn Gia Bảo	09/01/06			229/4 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10156	Dương Minh Nhật	07/19/10			160/3 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10157	Hoàng Lê Vy		11/18/08		81A/4 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10158	Mai Kiều Liên		03/14/12		155H/6B kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10159	Nguyễn Bảo Thy		12/06/08		43/3 KP4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10160	Nguyễn Đức Nhân	10/01/12			33/4 kp10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10161	Nguyễn Đức Trọng	06/27/09			78K/5 KP9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10162	Nguyễn Hoàng Gia Linh	09/17/08			17B/2, KP8A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10163	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	10/22/09			79/4 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10164	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	01/17/08			271F/5 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10165	Nguyễn Hoàng Thê Anh	01/19/14			158/5 kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10166	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	09/15/08			273/4,kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10167	Nguyễn Kim Quý	02/15/11			145/37 kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10168	Nguyễn Ngọc Gia Hân		01/01/04		105/5 KP6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10169	Nguyễn Ngọc Gia Hân		11/29/04		23A/5 kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10170	Nguyễn Ngọc Phát	05/07/08			111R/5,kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10171	Nguyễn Quang Minh	10/10/10			37/1 kp8A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10172	Nguyễn Quốc Minh	12/16/08			45A/6, KP6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10173	Nguyễn Tấn Tài	11/19/10			568/2 kp8A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10174	Nguyễn Thái Phát	03/16/13			9/85 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10175	1092	Nguyễn Trần Nhật Khang	12/25/10		170/4 kp10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10176	1093	Phạm Gia Bảo	07/17/10		292/1 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10177	1094	Phạm Lê Duy Khang	08/17/12		7/2 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10178	1095	Phạm Mai Hoàng Sơn	08/25/10		41/3 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10179	1096	Phạm Quốc Toàn	01/25/04		207/8, kp5B	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10180	1097	Phạm Quốc Việt	05/06/04		166/2 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10181	1098	Phạm Thị Thảo Vi		03/21/11	56A/4 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10182	1099	Phạm Thiên Định	04/11/10		87B/3 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10183	1100	Phùng Thị Ánh Tuyết		07/10/07	30/5 kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10184	1101	Trần Hoàng Gia Anh		05/30/11	147B/6 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10185	1102	Trần Hoàng Phúc	10/27/11		15/5 kp5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10186	1103	Trần Minh Khang	07/04/08		145/5 kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10187	1104	Trần Quang Lợi	08/21/06		Tổ 1 KP10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10188	1105	Trịnh Nguyễn Phước Lộc	04/01/05		22Đ/7 kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10189	1106	Vũ Đức Hùng	12/26/06		90/4 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10190	1107	Vũ Hoàng Gia Hân		10/27/06	12/6, kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
10191	1108	Đặng Thị Thu Ngân		09/12/09	230/6A kp6	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
10192	1109	Phan Trần Minh Thái	01/23/14		kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
10193	1110	Phan Trần Phương Uyên		04/25/09	kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
10194	1111	Vũ Hoàng Phúc	06/12/05		27A/1 kp8A	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
10195	1112	Vũ Quỳnh Anh		11/27/07	25B/7 kp5	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	